

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH
ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY VÀ KHÔNG CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2016 - 2017

CẦN THƠ, THÁNG 6/2016

MỤC LỤC



Trang

I. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY.....	1
1. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017	1
2. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017	16
3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017	26
4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017	38
5. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017	49
6. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017	57
7. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017	65
8. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KỸ THUẬT Y HỌC CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017.....	72
II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM.....	79
9. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM NĂM HỌC 2016–2017	79
10. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM NĂM HỌC 2016–2017	88
11. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM NĂM HỌC 2016–2017	96
III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC.....	103
12. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017	103
13. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG GÂY MÊ HỒI SỨC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017.....	111
14. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG PHỤ SẢN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017.....	113
15. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KỸ THUẬT Y HỌC CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017.....	121
16. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN KỸ THUẬT Y HỌC CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017.....	127

I. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

1. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: Y1, Y2, Y3, Y4, Y5, Y6.
- Thứ tự lớp: A, B, C, D, E, F, G, H

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K42: 165301A, 165301B, 165301C, 165301D, 165301E, 165301F, 165301G, 165301H
- Năm thứ hai - K41: 155301A, 155301B, 155301C, 155301D, 155301E, 155301F, 155301G, 155301H
- Năm thứ ba - K40: 145301A, 145301B, 145301C, 145301D, 145301E, 145301F, 145301G, 145301H
- Năm thứ tư - K39: 135301A, 135301B, 135301C, 135301D, 135301E, 135301F, 135301G, 135301H
- Năm thứ năm - K38: 125301A, 125301B, 125301C, 125301D, 125301E, 125301F, 125301G, 125301H
- Năm thứ sáu - K37: 115301A, 115301B, 115301C, 115301D

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2022 – K42)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 700, số lớp SV chuyên ngành: 8****Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 15 tín chỉ/276 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	Tự chọn*
	Giải phẫu II							
Tổng cộng		15	12	186	3	90		

(*) Chia làm 2 nhóm: 4 lớp học Giải phẫu I, 4 lớp còn lại học Giải phẫu II.

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), 18 tín chỉ/381 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	Tự chọn*
	Giải phẫu II							
Tổng cộng		18	13	201	5	180		

(*) Chia làm 2 nhóm: 4 lớp học Giải phẫu II, 4 lớp còn lại học Giải phẫu I.

Học kỳ hè: 3 tuần (10/07/2017 – 29/07/2017), 8 tín chỉ/150 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
Tổng cộng		8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2015–2021 – K41)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 1073, số lớp SV chuyên ngành: 8****Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/306 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
3.	Dân số - Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	2	2	36			Thi	
4.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần trong từng nhóm có số thứ tự 5,6,7.</i>
	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
Tổng cộng		17	14	216	3	90		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/387 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Tiền lâm sàng I	2			2	60	Thi	
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
4.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
5.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần trong từng nhóm có số thứ tự 5,6,7.</i>
	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
Tổng cộng		17	10	162	7	255		

Ghi chú: Học phần Điều dưỡng cơ bản chia 2 nhóm thực tập **buổi chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ và Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	Lớp A,B	Lớp C,D	Lớp E,F	Lớp G,H
10/04-14/04/2017			Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại
17/04-21/04/2017			Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội
24/04-28/04/2017	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại		
08/05-12/05/2017	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội		

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2020 - K40)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 862, số lớp SV chuyên ngành: 8****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 18 tín chỉ/417 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
3.	Ung thư	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Chương trình y tế QG, tổ chức và quản lý y tế	2	2	30			Thi	
5.	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm	2	1	18	1	30	Thi	
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
8.	Phẫu thuật thực hành	2	1	15	1	30	Thi	
9.	Thực tập cộng đồng I	1			1	45	Thi	
	Tổng cộng	18	11	177	7	240		

Ghi chú:

- Học trước lý thuyết Nội cơ sở I, Ngoại cơ sở I, Nội cơ sở II, Ngoại cơ sở II (chương trình học kỳ 2) ngay khi kết thúc lý thuyết học kỳ 1 (dự kiến từ 19/12/2016 đến 31/12/2016)

- Thực tập cộng đồng I từ ngày 05/12/2016 đến 17/12/2016 do khoa Y tế công cộng cho địa điểm, phụ trách và hướng dẫn sinh viên thực tập.

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 01/07/2017, 3 tuần ôn thi và thi) 17 tín chỉ/546 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
2.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
6.	Thăm dò chức năng	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	7	126	10	420		

Ghi chú:

- Học trước lý thuyết Nội bệnh lý I-II, Ngoại bệnh lý I-II, Phụ sản I-II, Nhi I-II (chương trình năm thứ 4) từ ngày 03/07/2017 đến ngày 08/07/2017

- Các học phần lâm sàng thực tập buổi sáng tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Trường. Bộ môn Nội, Ngoại chịu trách nhiệm tổ chức cho sinh viên thực hành tại các địa điểm trên. Thi thực hành lâm sàng được tổ chức vào 2 ngày cuối cùng của mỗi đợt thực tập.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp Thời gian	A,B	C,D	E,F	G,H
13/02/2017- 11/03/2017	Nội cơ sở I	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Ngoại cơ sở II
13/03/2017- 08/04/2017	Nội cơ sở II	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở II	Ngoại cơ sở I
10/04/2017- 06/05/2017	Ngoại cơ sở I	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở I	Nội cơ sở II
08/05/2017- 03/06/2017	Ngoại cơ sở II	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở II	Nội cơ sở I

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2019 – K39)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 832, số lớp SV chuyên ngành: 8****Học kỳ 7: 25 tuần (29/08/2016 – 11/02/2017, có 2 tuần nghỉ Tết, 2 tuần ôn thi và thi),****17 Tín chỉ/531 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	Lớp A, B,C,D
2.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Nhi I	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Nhi II	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	Lớp E,F,G,H
6.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
7.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	Thi	
8.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	Thi	
9.	Phương pháp nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	18			Thi	
10.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	Thi	
11.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	8	141	9	390		

Ghi chú:

- Chia 4 nhóm thực tập luân khoa mỗi 9 tuần (8 tuần thực học, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng). Sinh viên thực tập vào buổi sáng do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách (3/4 thực tập tại các bệnh viện tại Cần Thơ và 1/4 thực tập tại **Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long** do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).

- + Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Trường (nhóm ở BV Trường khoảng 40 SV).
- + Thực tập lâm sàng Phụ sản tại bệnh viện Đa khoa trung ương và bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.
- + Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ và bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm (Lớp)	1 (A,B)	2 (C,D)	3 (E,F)	4 (G,H)
12/09/2016 – 12/11/2016	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II	Ngoại bệnh lý I-II	Phụ sản I-II
14/11/2016 - 14/01/2017	Nhi I-II	Nội bệnh lý I-II	Phụ sản I-II	Ngoại bệnh lý I-II

Học kỳ 8: 21 tuần (13/02/2017 – 08/07/2017, 2 tuần ôn thi và thi), **17 Tín chỉ/531 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	Lớp E,F,G,H
2.	Nội bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Nhi I	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Nhi II	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý I	3	1	18	2	90	Thi	Lớp A, B,C,D
6.	Ngoại bệnh lý II	3	1	18	2	90	Thi	
7.	Phụ sản I	3	1	18	2	90	Thi	
8.	Phụ sản II	3	1	18	2	90	Thi	
9.	Hóa sinh lâm sàng	1	1	18			Thi	
10.	Dị ứng lâm sàng	1	1	18			Thi	
11.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
12.	Pháp Y	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	17	8	141	9	390		

Ghi chú:

- Học lý thuyết Nội bệnh lý I-II, Ngoại bệnh lý I-II, Phụ sản I-II, Nhi I-II từ ngày 06/02/2017 đến ngày 18/02/2017.

- Chia 4 nhóm thực tập luân khoa mỗi 9 tuần (8 tuần thực học, tuần thứ 9 thi kết thúc học phần lâm sàng). Sinh viên thực tập vào buổi sáng do các bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi phụ trách. (3/4 thực tập tại các bệnh viện tại Cần Thơ và 1/4 thực tập tại Bệnh viện đa khoa Vĩnh Long do Khoa Y và Bộ môn Nội, Ngoại, Sản, Nhi Khoa Y phụ trách).

- + Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Truyền máu – Huyết học Cần Thơ, Bệnh viện Trường (nhóm ở BV Trường khoảng 40 SV).
- + Thực tập lâm sàng Phụ sản tại bệnh viện Đa khoa trung ương và bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.
- + Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ và bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm (Lớp)	1 (A,B)	2 (C,D)	3 (E,F)	4 (G,H)
20/02/2017 - 22/04/2017	Ngoại bệnh lý I-II	Phụ sản I-II	Nội bệnh lý I-II	Nhi I-II
24/04/2017 - 24/06/2017	Phụ sản I-II	Ngoại bệnh lý I-II	Nhi I-II	Nội bệnh lý I-II

NĂM THỨ NĂM**(Khóa 2012–2018 – K38)****Tổng số sinh viên: 674, số lớp: 8****Học kỳ 9: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 28 ĐVHT/720 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Y học cổ truyền	4	2	30	2	90	Thi	Chia 4 nhóm lớn (8 nhóm nhỏ) thực tập luận khoa
2.	Tai mũi họng	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Mắt	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Thần kinh	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Tâm thần	4	2	30	2	90	Thi	
6.	Ung thư đại cương	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Da liễu	3	2	30	1	45	Thi	
8.	Dịch tễ học	4	3	45	1	45	Thi	
9.	Phương pháp nghiên cứu KH	2	2	30			Thi	
Tổng cộng		28	18	270	10	450		

Ghi chú: Sinh viên thực tập lâm sàng vào buổi sáng do các bộ môn thuộc Khoa Y phụ trách.

- + Thực tập Y học cổ truyền tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.
- + Thực tập Tai mũi họng tại Bệnh viện Tai-mũi-họng Cần Thơ.
- + Thực tập Mắt tại Bệnh viện Mắt-Răng hàm mặt Cần Thơ, BVĐKTU Cần Thơ
- + Thực tập Thần kinh tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP. Cần Thơ
- + Thực tập Ung thư tại Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ
- + Thực tập Da liễu tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ.
- + Thực tập Tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Cần Thơ

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A	B	C	D	E	F	G	H
29/08/2016 - 10/09/2016	TMH	Ung thư	Ung thư	Da liễu	Mắt	Thần kinh	Tâm thần	
12/09/2016 - 24/09/2016	Mắt	Thần kinh	Da liễu	Ung thư	Y học cổ truyền			
26/09/2016 - 08/10/2016	Da liễu	TMH	TMH	Thần kinh			Tâm thần	
10/10/2016 - 22/10/2016	Ung thư	Da liễu	Y học cổ truyền		Tâm thần			
24/10/2016 - 05/11/2016	Thần kinh	Mắt					Ung thư	Mắt
07/11/2016 - 19/11/2016	Y học cổ truyền		Tâm thần		Ung thư	Mắt	Thần kinh	TMH
21/11/2016 - 03/12/2016					Thần kinh	TMH	Da liễu	Ung thư
05/12/2016 - 17/12/2016	Tâm thần		Mắt	TMH	Da liễu	Ung thư	Y học cổ truyền	
19/12/2016 - 31/12/2016			Thần kinh	Mắt	TMH	Da liễu		

Học kỳ 10: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

29 ĐVHT/765 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
2.	Dược lý 2	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Nội bệnh lý 3	4	2	30	2	90	Thi	<i>Chia 4 nhóm thực tập luân khoa mỗi 4 tuần</i>
4.	Truyền nhiễm	5	3	45	2	90	Thi	
5.	Lao	4	2	30	2	90	Thi	
6.	Phục hồi chức năng	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Pháp y	2	1	15	1	30	Thi	
8.	Thực tập CĐ 2	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	29	17	255	12	510		

Ghi chú:

- Thực tập Nội bệnh lý 3 tại BV ĐKTU CT, BV ĐK TPCT, Bệnh viện Truyền máu – Huyết học Cần Thơ và BV Trường.

- Thực tập Truyền nhiễm tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ

- Thực tập Lao tại bệnh viện Lao và bệnh phổi Cần Thơ

- Thực tập Phục hồi chức năng tại Trung tâm chỉnh hình vào PHCN Cần Thơ

- Thực tập Dịch tễ học vào các ngày thứ 7 tại các trạm y tế trong TP.Cần Thơ do Bộ môn Dịch tễ phụ trách.

- Thực tập cộng đồng 2 từ ngày 15/05/2017 đến 27/05/2017 do khoa Y tế công cộng cho địa điểm, phụ trách và hướng dẫn sinh viên thực tập.

- Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Y tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A,B	C,D	E,F	G,H
06/02/2017 đến 04/03/2017	Nội bệnh lý 3	Truyền nhiễm	Lao	Phục hồi chức năng
06/03/2017 đến 01/04/2017	Truyền nhiễm	Nội bệnh lý 3	Phục hồi chức năng	Lao
03/04/2017 đến 15/04/2017	<i>Nghỉ 2 tuần (Thực tập cộng đồng)</i>			
17/04/2017 đến 13/05/2017	Lao	Phục hồi chức năng	Nội bệnh lý 3	Truyền nhiễm
15/05/2017 đến 10/06/2017	Phục hồi chức năng	Lao	Truyền nhiễm	Nội bệnh lý 3

*** Ghi chú:**

Sinh viên có điểm trung bình tích lũy đến hết năm thứ tư đạt 7,5 trở lên, không còn nợ học phần nào và không bị kỷ luật trong suốt quá trình học có thể đăng ký làm luận văn tốt nghiệp. Tổng số sinh viên làm luận văn tốt nghiệp chiếm tối thiểu 25% tổng số sinh viên lớp, được xét chọn theo nguyên tắc lấy điểm trung bình tích lũy từ cao xuống thấp.

Sinh viên đăng ký 1 học phần định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn vào cuối năm thứ 5. Căn cứ vào số lượng đăng ký và điều kiện giảng dạy của từng chuyên khoa, nếu số lượng đăng ký nhiều hơn khả năng cho phép Trường sẽ căn cứ vào điểm trung bình chung học tập để cân đối lại cho phù hợp. Riêng các sinh viên diện cử tuyển và địa chỉ sử dụng phải xin ý kiến của địa phương trước khi đăng ký.

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2011–2017 - K37)

Tổng số sinh viên: 541, số lớp: 4**Học kỳ 11: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 22 ĐVHT/570 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý 4	4	2	30	2	90	Thi	<i>Chia 4 nhóm thực tập luân khoa mỗi 4 tuần</i>
2.	Ngoại bệnh lý 3	4	2	30	2	90	Thi	
3.	Phụ sản 3	4	2	30	2	90	Thi	
4.	Nhi 3	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Y học gia đình	2	2	30			Thi	
6.	Y học thảm họa	2	2	30			Thi	
7.	DS-BVBMTE-SKSS	1	1	15			Thi	
8.	Kinh tế y tế-BHYT	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	22	14	210	8	360		

Ghi chú:

- Sinh viên thực tập vào buổi sáng do các bộ môn Nội, Ngoại tổng quát, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Nhi phụ trách.

- + Thực tập lâm sàng Nội, Ngoại, Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ, Bệnh viện Trường (nhóm ở BV Trường khoảng 40 SV).
- + Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp Thời gian	A	B	C	D
05/09/2016 – 01/10/2016	Nội bệnh lý 4	Ngoại bệnh lý 3	Phụ sản 3	Nhi 3
03/10/2016 – 29/10/2016	Ngoại bệnh lý 3	Nội bệnh lý 4	Nhi 3	Phụ sản 3
31/10/2016 – 26/11/2016	Phụ sản 3	Nhi 3	Nội bệnh lý 4	Ngoại bệnh lý 3
28/11/2016 – 24/12/2016	Nhi 3	Phụ sản 3	Ngoại bệnh lý 3	Nội bệnh lý 4

Học kỳ 12: 15 tuần (06/02/2017 – 06/05/2017, có 1 tuần ôn thi và thi), 10 ĐVHT/390 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn	10	2	30	8	360	Thi	
2.	Tốt nghiệp Mác-Lênin và TTHCM	4	4				Thi	
3.	Thi tốt nghiệp/Luận văn tốt nghiệp	15	15				Thi	
	Tổng cộng	10/19		30	8	360		

Ghi chú:

Thực tập lâm sàng buổi sáng từ ngày 06/02/2017 đến 01/04/2017. Từ 03/04/2017 đến 29/04/2017 thực tập cả sáng và chiều.

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp:** từ 15/05/2017 – 24/06/2017.
2. **Học phần tốt nghiệp:**
 - Thi tốt nghiệp môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
 - Báo cáo luận văn tốt nghiệp (15 ĐVHT) hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (15 ĐVHT) gồm:
 - + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - + Phần chuyên môn 1 (8 ĐVHT): Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi.
 - + Phần chuyên môn 2 (3 ĐVHT): Y học cộng đồng.
3. **Thời gian thi tốt nghiệp:**
 - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10/06/2017
 - Báo cáo luận văn tốt nghiệp: 24/06/2017.
 - Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
 - * *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học

- Năm thứ năm – thứ sáu: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – thứ tư (đào tạo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với các năm thứ năm – thứ sáu (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.3. Đối với sinh viên học vượt

Sinh viên được phép đổi nhóm thực hành để học vượt theo tiến độ của chương trình.

3. Đăng ký chuyên khoa tự chọn

Sinh viên đăng ký 1 học phần định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn vào cuối học kỳ 1. Căn cứ vào số lượng đăng ký và điều kiện giảng dạy của từng chuyên khoa, nếu số lượng đăng ký nhiều hơn khả năng cho phép Trường sẽ căn cứ vào điểm trung bình chung học tập để cân đối lại cho phù hợp. Riêng các sinh viên diện cử tuyển và địa chỉ sử dụng phải xin ý kiến của địa phương trước khi đăng ký.

4. Luận văn / Thi tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2013 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học.

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

2. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: YHCT1, YHCT2, YHCT3, YHCT4, YHCT5

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K42: 165308A
- Năm thứ hai - K41: 155308A
- Năm thứ ba - K40: 145308A
- Năm thứ tư - K39: 135308A
- Năm thứ năm - K38: 125308A

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2022 – K42)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 120, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 16 tín chỉ/381 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	16	11	171	5	180		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**17 tín chỉ/321 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	17	13	201	4	120		

Học kỳ hè: 3 tuần (31/07/2017 – 19/08/2017), 8 tín chỉ/150 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI
(Khóa 2015–2021 – K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 123, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 18 tín chỉ/321 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Trung văn cơ bản	3	3	45			Thi	
4.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	
5.	Tiền lâm sàng I	2			2	60	Thi	
6.	Dân số, truyền thông và giáo dục SK	2	2	36			Thi	
7.	Xác suất- Thống kê y học	2	2	30			Thi	
8.	Lý luận cơ bản YHCT I	3	3	45				
	Tổng cộng	18	15	231	3	90		

**Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
18 tín chỉ/414 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
3.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Thực vật dược	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
7.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	18	10	159	8	255		

Ghi chú: Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi **chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	15/05/2017-19/05/2017	22/05/2017-26/05/2017
YHCT	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2020 – K40)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 146, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/468 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
3.	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Ung thư	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Lý luận cơ bản YHCT II	2	2	36			Thi	
6.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	<i>Chia 2 nhóm thực tập luân khoa</i>
7.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	8	138	3	330		

Ghi chú: Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở I, Ngoại cơ sở I.

- Thực tập Nội cơ sở I tại BVĐK TP.Cần Thơ.
- Thực tập Ngoại cơ sở I tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ, BV Trường.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	31/10/2016 – 26/11/2016	28/11/2016 – 24/12/2016
Nhóm 1	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở I
Nhóm 2	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở I

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), 18 tín chỉ/483 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Thăm dò chức năng	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
4.	YHCT cơ sở	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
6.	Trung văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
7.	Thực tập cộng đồng I	1			1	45	Thi	
	Tổng cộng	18	9	153	9	375		

Ghi chú:

- Thực tập Y học cổ truyền cơ sở tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.
- Thực tập cộng đồng I cả ngày từ 06/03/2017 đến 18/03/2017 do khoa Y tế công cộng phụ trách.
- Chia 3 nhóm thực tập Nội cơ sở II, Ngoại cơ sở II.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ, NGOẠI CƠ SỞ

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
20/03/2017 – 15/04/2017	YHCT cơ sở	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II
17/04/2017 – 13/05/2017	Ngoại cơ sở II	YHCT cơ sở	Nội cơ sở II
15/05/2017 – 10/06/2017	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II	YHCT cơ sở

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2013–2019 – K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 103, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 18 Tín chỉ/495 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý YHHĐ I	3	2	30	1	45	Thi	<i>Chia 4 nhóm thực tập luân khoa.</i>
2.	Ngoại bệnh lý YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
3.	Phụ sản YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
4.	Nhi YHHĐ	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Thuốc YHCT I	3	2	30	1	30	Thi	
Tổng cộng		18	10	150	8	345		

Ghi chú:

- Thực tập Nội bệnh lý YHHĐ I, Phụ sản YHHĐ tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ.
- Thực tập Ngoại bệnh lý YHHĐ tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ và Bệnh viện Trường.
- Thực tập Nhi YHHĐ tại Bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
05/09/2016 – 17/09/2016	Nội bệnh lý YHHĐ I	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Phụ sản YHHĐ	Nhi YHHĐ
19/09/2016 – 01/10/2016				
03/10/2016 – 15/10/2016	Nhi YHHĐ	Nội bệnh lý YHHĐ I	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Phụ sản YHHĐ
17/10/2016 – 29/10/2016				
31/10/2016 – 12/11/2016	Phụ sản YHHĐ	Nhi YHHĐ	Nội bệnh lý YHHĐ I	Ngoại bệnh lý YHHĐ
14/11/2016 – 26/11/2016				
28/11/2016 – 10/12/2016	Ngoại bệnh lý YHHĐ	Phụ sản YHHĐ	Nhi YHHĐ	Nội bệnh lý YHHĐ I
12/12/2016 – 24/12/2016				

Học kỳ 8: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

18 Tín chỉ/480 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Thuốc YHCT II	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Nội bệnh lý II	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Nội bệnh lý YHCT I	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Ngoại bệnh lý YHCT	3	1	15	2	90	Thi	
5.	PP điều trị không dùng thuốc	2	1	18	1	30	Thi	
6.	Châm cứu học I,II	4	2	36	2	60	Thi	
7.	Dược lý lâm sàng	2	1	18	1	30	Thi	
	Tổng cộng	18	9	150	9	330		

Ghi chú:

- *Thực tập Nội bệnh lý YHCT II tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ.*
- *Thực tập Ngoại bệnh lý YHCT tại BVĐK TP.Cần Thơ.*
- *Thực tập Nội bệnh lý YHCT I tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
03/04/2017 – 15/04/2017	Nội bệnh lý II	Ngoại bệnh lý YHCT
17/04/2017 – 29/04/2017	Nội bệnh lý YHCT	
01/05/2017 – 06/05/2017	<i>Nghỉ 1 tuần</i>	
08/05/2017 – 20/05/2017	Ngoại bệnh lý YHCT	Nội bệnh lý II
22/05/2017 – 03/06/2017		Nội bệnh lý YHCT I

NĂM THỨ NĂM**(Khóa 2012–2018 – K38)****Tổng số sinh viên: 41, số lớp: 1****Học kỳ 9: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 24 ĐVHT/645 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú	
			Lý thuyết		Thực hành				
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết			
1.	Châm cứu II	3	1	15	2	60	Thi		
2.	Dịch tễ học	3	2	30	1	30	Thi		
3.	Phụ sản YHCT	3	1	15	2	90	Thi	<i>Chia 2 nhóm thực tập luân khoa.</i>	
4.	Nhi YHCT	3	1	15	2	90	Thi		
5.	Nội bệnh lý YHCT II	3	2	30	1	45	Thi		
6.	Lao	3	2	30	1	45	Thi		
7.	Da liễu	3	2	30	1	45	Thi		
8.	Phục hồi chức năng	3	2	30	1	45	Thi		
Tổng cộng		24	13	195	11	450			

Ghi chú:

- *Thực tập Nhi YHCT, Nội bệnh lý YHCT II tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Phụ sản YHCT tại Bệnh viện ĐK TP. Cần Thơ.*
- *Thực tập Lao tại bệnh viện Lao và bệnh phổi Cần Thơ*
- *Thực tập Phục hồi chức năng tại Trung tâm chỉnh hình và PHCN Cần Thơ*
- *Thực tập Da liễu tại bệnh viện Da liễu Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
05/09/2016 – 01/10/2016	Phụ sản YHCT	Nhi YHCT
03/10/2016 – 29/10/2016	Nhi YHCT	Phụ sản YHCT
31/10/2016 – 12/11/2016	Nội bệnh lý YHCT II	Lao
14/11/2016 – 26/11/2016	Lao	Nội bệnh lý YHCT II
28/11/2016 – 10/12/2016	Da liễu	Phục hồi chức năng
12/12/2016 – 24/12/2016	Phục hồi chức năng	Da liễu

Học kỳ 10: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

25 ĐVHT/645 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý YHCT III	4	2	30	2	90	Thi	<i>Chia 2 nhóm thực tập luân khoa.</i>
2.	Ung thư đại cương	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Thần kinh	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Tâm thần	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Truyền nhiễm	3	2	30	1	45	Thi	
6.	Châm cứu học III	4	2	30	2	60	Thi	
7.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	45			Thi	
8.	Thực tập cộng đồng II	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	25	15	225	10	420		

Ghi chú:

- *Thực tập Nội bệnh lý YHCT tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Thần kinh tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP. Cần Thơ*
- *Thực tập Ung thư tại Bệnh viện Ung bướu Cần Thơ*
- *Thực tập Tâm thần tại Bệnh viện Tâm thần Cần Thơ.*
- *Thực tập Truyền nhiễm tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP. Cần Thơ*
- *Thực tập cộng đồng II cả ngày từ 29/05/2017 đến 10/06/2017 do khoa Y tế công cộng phụ trách.*
- *Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Bộ môn Y học cổ truyền - Khoa Y tổ chức và quản lý sinh viên tự học.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
20/02/2017 – 04/03/2017	Nội bệnh lý YHCT III	Ung thư đại cương
06/03/2017 – 18/03/2017		Thần kinh
20/03/2017 – 01/04/2017	Ung thư đại cương	Nội bệnh lý YHCT III
03/04/2017 – 15/04/2017	Thần kinh	
17/04/2017 – 29/04/2017	Tâm thần	Truyền nhiễm
01/05/2017 – 06/05/2017	<i>Nghỉ</i>	
08/05/2017 – 20/05/2017	Truyền nhiễm	Tâm thần

Sinh viên có điểm trung bình tích lũy đến hết năm thứ tư đạt 7,5 trở lên, không còn nợ học phần nào và không bị kỷ luật trong suốt quá trình học có thể đăng ký làm luận văn tốt nghiệp. Tổng số sinh viên làm luận văn tốt nghiệp chiếm tối thiểu 25% tổng số sinh viên lớp, được xét chọn theo nguyên tắc lấy điểm trung bình tích lũy từ cao xuống thấp.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học

- Năm thứ năm: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – thứ tư (đào tạo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với năm thứ năm (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: RHM1, RHM2, RHM3, RHM4, RHM5, RHM6

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K42: 165302A
- Năm thứ hai-K41: 155302A
- Năm thứ ba-K40: 145302A
- Năm thứ tư-K39: 135302A
- Năm thứ năm-K38: 125302A
- Năm thứ sáu-K37: 115302A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2016–2022 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 80, số lớp SV chuyên ngành: 1**Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/396 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	12	186	5	180		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**19 tín chỉ/336 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			Thi	
4.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	19	14	216	4	120		

Học kỳ hè: 3 tuần (31/07/2017 – 19/08/2017), 8 tín chỉ/150 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2015–2021 – K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 71, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), **16 tín chỉ/324 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	
3.	Tiền lâm sàng I	2			2	60	Thi	
4.	Tâm lý y học - Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Dinh dưỡng và VSATTP	2	1	18	1	30	Thi	
7.	Sinh học miệng	1	1	18			Thi	
8.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30		
	Tổng cộng	16	11	174	5	150		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
17 tín chỉ/384 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
6.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	17	9	144	7	225		

Ghi chú: Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi **chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.**LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN**

Thời gian	15/05/2017-19/05/2017	22/05/2017-26/05/2017
RHM	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2020 - K40)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 84, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/447 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội cơ sở	2	1	18	1	45	Thi	
2.	Ngoại cơ sở	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Giải phẫu bệnh	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu răng	3	1	18	2	60	Thi	
6.	GP ứng dụng và PTTH hàm mặt	3	1	15	2	60	Thi	
7.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
	Tổng cộng	17	7	117	10	330		

Ghi chú:*Chia 2 nhóm thực tập lâm sàng Nội cơ sở, Ngoại cơ sở.***LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG**

Thời gian	28/11/2016 – 10/12/2016	12/12/2016 – 24/12/2016
Nhóm 1	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở
Nhóm 2	Ngoại cơ sở	Nội cơ sở

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
16 tín chỉ/474 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
2.	Mô phôi răng miệng	1	1	18			Thi	
3.	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Bệnh học nội khoa	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Bệnh học ngoại khoa	3	1	18	2	90	Thi	
6.	Nhi khoa	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Phụ sản	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	16	8	144	8	330		

Ghi chú:

- + *Thực tập lâm sàng Nội, Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ.*
- + *Thực tập Ngoại tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Ung bướu;*
- + *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
13/03/2017-25/03/2017	Bệnh học nội khoa	Bệnh học ngoại khoa	Nhi khoa
27/03/2017-08/04/2017			Phụ sản
10/04/2017-22/04/2017	Bệnh học ngoại khoa	Nhi khoa	Bệnh học nội khoa
24/04/2017-06/05/2017		Phụ sản	
08/05/2017-20/05/2017	Nhi khoa	Bệnh học nội khoa	Bệnh học ngoại khoa
22/05/2017-03/06/2017	Phụ sản		

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2013–2019 – K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 91, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 Tín chỉ/399 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dinh dưỡng và VSATTP	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Mô phỏng lâm sàng	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Mô phôi răng miệng	1	1	18			Thi	
4.	Chẩn đoán hình ảnh nha khoa	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Cẩn khớp học	3	2	30	1	45	Thi	
6.	Bệnh học miệng – hàm mặt I	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Phẫu thuật miệng I	2	1	15	1	30	Thi	
8.	Sâu răng học	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	17	10	159	7	240		

Học kỳ 8: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**16 Tín chỉ/513 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nha chu I	2	1	18	1	30	Thi	
2.	Phẫu thuật miệng II	2	1	18	1	45	Thi	
3.	Chữa răng – nội nha I	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Răng trẻ em	3	1	18	2	90	Thi	
5.	Bệnh học miệng – hàm mặt II	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Phục hình I	3	1	18	2	90	Thi	
7.	Phục hình II	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	16	7	123	9	390		

NĂM THỨ NĂM**(Khóa 2012–2018 – K38)****Tổng số sinh viên: 79, số lớp: 1****Học kỳ 9: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 28 ĐVHT/720 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Bệnh lý miệng 2	4	2	30	2	90	Thi	
2.	Nha khoa chức năng 2	4	1	15	3	135	Thi	
3.	Nha công cộng 1	5	4	60	1	45	Thi	
4.	Nhỏ răng-Tiểu phẫu 1	4	3	45	1	45	Thi	
5.	Chữa răng-Nội nha 1	6	4	60	2	90	Thi	
6.	Phục hình 2	2	2	30			Thi	
7.	Răng trẻ em 1	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	28	18	270	9	450		

Ghi chú:

Chia 6 nhóm thực tập luân phiên, lịch thực hành cụ thể do khoa Răng Hàm Mặt phụ trách:

- + *Nhóm 1: Bệnh lý miệng 2 tại Khu lâm sàng 1 - Khoa Răng Hàm Mặt.*
- + *Nhóm 2, 3: Thực tập Nha khoa chức năng 2, Nhỏ răng-Tiểu phẫu 1 tại Khu mô phỏng lâm sàng - Khoa Răng Hàm Mặt.*
- + *Nhóm 4,5 Thực tập Nha Công cộng 1, Răng trẻ em 1 tại Trường tiểu học Lê Bình (quận Cái Răng) và Trường trung học cơ sở Mỹ Khánh (huyện Phong Điền).*
- + *Nhóm 6: thực tập Chữa răng nội nha 1 tại Labo- Khoa Răng Hàm Mặt.*

Học kỳ 10: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

28 ĐVHT/780 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Tia X nha khoa	6	2	30	4	180	Thi	
2.	Nhổ răng-Tiểu phẫu 2	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Nha công cộng 2	1			1	45	Thi	
4.	Nha chu 1	6	4	60	2	90	Thi	
5.	Phục hình 3	6	4	60	2	90	Thi	
6.	Chỉnh hình răng	6	4	60	2	90	Thi	
	Tổng cộng	28	13	195	15	585		

Ghi chú:

Chia 6 nhóm thực tập luân phiên, lịch thực hành do khoa Răng Hàm Mặt phụ trách:

- + *Nhóm 1: Thực tập Tia X nha khoa tại Khu lâm sàng 1- Khoa Răng Hàm Mặt.*
- + *Nhóm 2: Thực tập Nhổ răng-Tiểu phẫu 2 tại Khu Lâm sàng Bệnh viện.*
- + *Nhóm 3: Thực tập Nha Công cộng 2 tại Trường tiểu học Lê Bình (quận Cái Răng) và Trường trung học cơ sở Mỹ Khánh (huyện Phong Điền).*
- + *Nhóm 4: thực tập Nha chu 1 tại khu Mô phỏng lâm sàng- Khoa Răng Hàm Mặt*
- + *Nhóm 5, 6: Thực tập Phục hình 3, Chỉnh hình răng tại Labo- Khoa Răng Hàm Mặt.*

Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Răng Hàm Mặt tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2011–2017 - K37)

Tổng số sinh viên: 92, số lớp: 1**Học kỳ 11: 21 tuần** (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), **24 ĐVHT/780 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Phẫu thuật hàm mặt 1	5	3	45	2	90	Thi	<i>Chia 6 nhóm thực hành luân khoa sáng chiều</i>
2.	Răng trẻ em 2	2			2	90	Thi	
3.	Chữa răng-Nội nha 2	2			2	90	Thi	
4.	Nha chu 2	5	1	15	4	180	Thi	
5.	Phục hình 4	8	2	30	6	270	Thi	
6.	Nhỏ răng-Tiểu phẫu 3	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	24	3		18			

Ghi chú:

- Chia 6 nhóm thực tập lâm sàng sáng chiều từ 29/08/2016 đến 31/12/2016. Riêng chiều thứ 6 và sáng chiều ngày thứ 7 sẽ bố trí học lý thuyết.

- Thực tập luân khoa 6 khu lâm sàng: Khu Lâm Sàng 1, Khu Lâm Sàng 2, BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐK TPCT, BV Mắt-RHM, Trường Tiểu học Lê Bình – THCS Mỹ Khánh.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4	5	6
29/08/2016-10/09/2016	Nha chu 2		Nhỏ răng-Tiểu phẫu 3	Phục hình 4		
12/09/2016-24/09/2016			Phẫu thuật hàm mặt 1			
26/09/2016-8/10/2016	Phẫu thuật hàm mặt 1	Nhỏ răng-Tiểu phẫu 3	Chữa răng-Nội nha 2			
10/10/2016-22/10/2016	Răng trẻ em 2	Phẫu thuật hàm mặt 1	Nha chu 2		Chữa răng-Nội nha 2	Nhỏ răng-Tiểu phẫu 3
24/10/2016-05/11/2016	Chữa răng-Nội nha 2	Răng trẻ em 2			Nhỏ răng-Tiểu phẫu 3	Phẫu thuật hàm mặt 1
07/11/2016-19/11/2016	Nhỏ răng-Tiểu phẫu 3	Chữa răng-Nội nha 2	Răng trẻ em 2	Phẫu thuật hàm mặt 1	Nha chu 2	
21/11/2016-03/12/2016	Phục hình 4			Răng trẻ em 2		
05/12/2016-17/12/2016				Chữa răng-Nội nha 2		
19/12/2016-31/12/2016				Nhỏ răng-Tiểu phẫu 3	Răng trẻ em 2	Chữa răng-Nội nha 2

Học kỳ 12: 18 tuần (06/02/2017 – 29/04/2017), 12 ĐVHT/540 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Phục hình 5	2			2	90	Thi	<i>Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng sáng chiều</i>
2.	Răng trẻ em 3	2			2	90	Thi	
3.	Phẫu thuật hàm mặt 2	2			2	90	Thi	
4.	Chữa răng-Nội nha 3	2			2	90	Thi	
5.	Thực tế	4			4	180	Thi	
6.	Tốt nghiệp Mác-Lênin và TTHCM	4	4				Thi	
7.	Thi tốt nghiệp/Luận văn tốt nghiệp	15	15				Thi	
Tổng cộng		12 / 19			12	540		

Ghi chú:

- Thực tế tại Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mặt Cần Thơ, Bệnh viện ĐK TƯ Cần Thơ và Bệnh viện Trường từ ngày 03/04/2017 đến ngày 29/04/2017 do Khoa Răng Hàm Mặt phụ trách.

- Chia 4 nhóm thực tập lâm sàng sáng chiều từ 06/02/2017 – 03/04/2017

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
06/02/2017-11/02/2017	Phục hình 5	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2	Chữa răng-Nội nha 3
23/01/2017 đến 04/02/2017	Nghỉ Tết			
13/02/2017-18/02/2017	Phục hình 5	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2	Chữa răng-Nội nha 3
20/02/2017-04/03/2017	Chữa răng-Nội nha 3	Phục hình 5	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2
06/03/2017-18/03/2017	Phẫu thuật hàm mặt 2	Chữa răng-Nội nha 3	Phục hình 5	Răng trẻ em 3
20/03/2017-01/04/2017	Răng trẻ em 3	Phẫu thuật hàm mặt 2	Chữa răng-Nội nha 3	Phục hình 5

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 08/05/2017 – 24/06/2017.

2. Học phần tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
- Báo cáo luận văn tốt nghiệp (15 ĐVHT) hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (15 ĐVHT) gồm :
 - a. Phần cơ sở ngành (3 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - b. Phần chuyên môn 1 (6 ĐVHT): Vật liệu thiết bị nha khoa, Nha khoa hình thái, Nha khoa chức năng, Bệnh lý miệng, Tia X nha khoa, Răng trẻ em, Nha công cộng.
 - c. Phần chuyên môn 2 (6 ĐVHT): Nhổ răng-Tiểu phẫu, Phẫu thuật hàm mặt, Chữa răng, Nha chu, Chỉnh hình răng, Phục hình.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10/06/2017.
- Báo cáo luận văn tốt nghiệp: 24/06/2017.
- Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
* *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**1. Chương trình đào tạo**

- Năm thứ nhất - thứ tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ năm – thứ sáu: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần**2.1. Đối với năm thứ nhất – thứ tư (đào tạo theo học chế tín chỉ)**

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với các năm thứ năm – thứ sáu (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập lâm sàng

- Thực tập lâm sàng tại Khu lâm sàng 1 và 2- Khoa Răng Hàm Mặt, khu Lâm sàng Bệnh viện hoặc khu Mô phỏng lâm sàng. Ngoài ra sinh viên còn thực tập tại Trường tiểu học Lê Bình (quận Cái Răng) và Trường trung học cơ sở Mỹ Khánh (huyện Phong Điền).

- Sinh viên năm thứ năm có thêm 3 tuần thực tập hè (tự học). Khoa Răng Hàm Mặt sẽ tổ chức và quản lý sinh viên tự học (chia 2 nhóm, mỗi nhóm thực tập 3 tuần).

4. Luận văn / Thi tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2013 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học.

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

HIỆU TRƯỞNG**GS.TS. PHẠM VĂN LINH**

4. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: YHDP1, YHDP2, YHDP3, YHDP4, YHDP5, YHDP6

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K42: 165304A
- Năm thứ hai - K41: 155304A
- Năm thứ ba - K40: 145304A
- Năm thứ tư - K39: 135304A
- Năm thứ năm - K38: 125304A
- Năm thứ sáu - K37: 115304A

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2016–2022 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 130, số lớp SV chuyên ngành: 1**Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 15 tín chỉ/369 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Nhà nước và pháp luật	1	1	18			Thi	
4.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu I	3	2	30	1	30	Thi	
Tổng cộng		15	10	159	5	180		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**17 tín chỉ/309 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa học	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu II	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
Tổng cộng		17	13	201	4	120		

Học kỳ hè: 3 tuần (31/07/2017 – 19/08/2017), 8 tín chỉ/150 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
Tổng cộng		8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2015–2021 – K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 126, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/318 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Xác suất- Thống kê y học	2	2	30			Thi	
4.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Tâm lý y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
6.	Dinh dưỡng và VSATTP	2	1	18	1	30	Thi	
7.	Tiền lâm sàng I	2			2	60	Thi	
8.	Sinh lý I	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	17	13	198	4	120		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**17 tín chỉ/399 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Sinh lý II	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
5.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
7.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
	Tổng cộng	17	12	189	7	225		

Ghi chú: Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi *chiều* tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ và Bệnh viện đa khoa TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	15/05/2017-19/05/2017	22/05/2017-26/05/2017
YHDP	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội

NĂM THỨ BA

(Khóa 2014–2020 - K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 107, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), **18 tín chỉ/480 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý bệnh- Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Nội cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Ngoại cơ sở I	3	1	18	2	90	Thi	
4.	Khoa học hành vi và GDSK I	2	2	30			Thi	
5.	Tiền lâm sàng II	2			2	60	Thi	
6.	Chẩn đoán hình ảnh	2	1	18	1	30	Thi	
7.	Dược lý	3	2	36	1	30	Thi	
	Tổng cộng	18	10	150	8	330		

Ghi chú: Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở I, Ngoại cơ sở I.**LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ, NGOẠI CƠ SỞ**

Thời gian	03/10/2016 – 29/10/2016	31/10/2016 – 26/10/2016
Nhóm 1	Nội cơ sở I	Ngoại cơ sở I
Nhóm 2	Ngoại cơ sở I	Nội cơ sở I

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), **17 tín chỉ/531 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Ngoại cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
2.	Nội cơ sở II	3	1	18	2	90	Thi	
3.	Khoa học môi trường và SKMT	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30	0	0	Thi	
5.	Khoa học hành vi và GDSK II	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Y xã hội học và nhân học y học	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Thực tập Y học dự phòng I	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	8	126	9	405		

Ghi chú:

- Thực tập y học dự phòng I từ ngày 06/03/2017 đến 18/03/2017 do khoa YTCC cho địa điểm, phụ trách và hướng dẫn.

- Chia 2 nhóm thực tập Nội cơ sở II, Ngoại cơ sở II.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG NỘI CƠ SỞ, NGOẠI CƠ SỞ

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
03/04/2017 – 29/04/2017	Ngoại cơ sở II	Nội cơ sở II
03/05/2017 – 27/05/2017	Nội cơ sở II	Ngoại cơ sở II

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2019 – K39)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 103, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/438 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý I	3	2	30	1	45	Thi	
2.	Ngoại bệnh lý I	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Phụ sản I	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Nhi I	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Truyền nhiễm	3	1	30	2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	10	168	7	315		

Ghi chú:

Cả lớp chia thành 2 nhóm thực tập lâm sàng từ ngày 03/10/2016 đến 24/12/2016 do khoa Y phụ trách.

- + *Thực tập Truyền nhiễm tại BVĐKTU Cần Thơ*
- + *Thực tập Nội bệnh lý I tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ*
- + *Thực tập Ngoại bệnh lý I tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ, BV Trường*
- + *Thực tập Phụ sản I tại khoa Sản BVĐKTU Cần Thơ.*
- + *Thực tập Nhi I tại Bệnh viện nhi đồng Cần Thơ*
- + *Thực tập Y học cổ truyền tại bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm Thời gian	1	2
19/09/2016- 01/10/2016	Nội bệnh lý I	Ngoại bệnh lý I
03/10/2016- 15/10/2016	Ngoại bệnh lý I	Nội bệnh lý I
17/10/2016- 29/10/2016	Nhi I	Phụ sản I
31/10/2016- 12/11/2016	Phụ sản I	Truyền nhiễm
14/11/2016- 26/11/2016	Y học cổ truyền	
28/11/2016- 10/12/2016	Truyền nhiễm	Nhi I
12/12/2016- 24/12/2016		Y học cổ truyền

Học kỳ 8: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
18 tín chỉ/483 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý II	2	1	18	1	45	Thi	
2.	Ngoại bệnh lý II	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Phụ sản II	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Nhi II	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Kinh tế y tế	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Dịch tễ học I	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Thống kê Y tế	2	2	30			Thi	
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	2	30	1	30		
Tổng cộng		18	11	168	7	270		

Ghi chú:

Cả lớp chia thành 2 nhóm thực tập lâm sàng từ ngày 13/02/2017 đến 03/06/2017 do khoa Y phụ trách.

+ Thực tập Nội bệnh lý II tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP. Cần Thơ

+ Thực tập Ngoại bệnh lý II tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP. Cần Thơ, BV Trường

+ Thực tập Phụ sản II tại khoa Sản BVĐKTU Cần Thơ.

+ Thực tập Nhi II tại Bệnh viện nhi đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm	
	1	2
03/04/2017-15/04/2017	Nội bệnh lý II	Ngoại bệnh lý II
17/04/2017-29/04/2017	Ngoại bệnh lý II	Nội bệnh lý II
08/05/2017-20/05/2017	Phụ sản II	Nhi II
22/05/2017-03/06/2017	Nhi II	Phụ sản II

NĂM THỨ NĂM**(Khóa 2012–2018 – K38)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 74, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 9: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/510 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Lao	3	1	15	2	90	Thi	
2.	Y học cổ truyền	3	1	15	2	90	Thi	
3.	Tai Mũi Họng	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Mắt	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Da liễu	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Thần kinh	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Dịch tễ học 2	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	8	120	9	390		

Ghi chú:

Cả lớp chia thành 2 nhóm thực tập lâm sàng từ ngày 05/09/2016 đến 24/12/2016 do khoa Y phụ trách.

- Thực tập Lao tại bệnh viện Lao và bệnh phổi Cần Thơ
- Thực tập Y học cổ truyền tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.
- Thực tập Tai mũi họng tại Bệnh viện Tai-mũi-họng Cần Thơ.
- Thực tập Mắt tại Bệnh viện Mắt-Răng hàm mặt Cần Thơ, BVĐKTU Cần Thơ
- Thực tập Thần kinh tại BVĐKTU Cần Thơ, BVĐK TP.Cần Thơ
- Thực tập Da liễu tại Bệnh viện Da liễu Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm Thời gian	1	2
05/09/2016- 01/10/2016	Lao	Y học cổ truyền
03/10/2016- 29/10/2016	Y học cổ truyền	Lao
31/10/2016- 12/11/2016	Da liễu	Mắt
14/11/2016- 26/11/2016	Mắt	Da liễu
28/11/2016- 10/12/2016	Tai Mũi Họng	Thần kinh
12/12/2016- 24/12/2016	Thần kinh	Tai Mũi Họng

**Học kỳ 10: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
17 tín chỉ/380 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Phương pháp nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng	3	1	15	2	60	Thi	
2.	Dịch tễ học 3	2	2	30			Thi	
3.	Dân số học	2	2	30			Thi	
4.	Kinh tế y tế - Bảo hiểm y tế	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sức khỏe nghề nghiệp	4	3	45	1	45	Thi	
6.	Sức khỏe lứa tuổi	2	2	30			Thi	
7.	Thực tập Y học dự phòng 2	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	10	165	7	225		

Ghi chú:

- Thực tập Y học dự phòng 2 cả ngày từ 20/03/2017 đến 31/03/2017 do khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Sức khỏe nghề nghiệp tại Trung tâm bảo vệ sức khỏe lao động và môi trường TP.Cần Thơ và các cơ sở, xí nghiệp theo kế hoạch của Bộ môn Sức khỏe môi trường.

Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017. Khoa Y tế công cộng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ SÁU

(Khóa 2011–2017 – K37)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 87, số lớp SV chuyên ngành: 1**Học kỳ 11: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 20 tín chỉ/540 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dinh dưỡng –an toàn thực phẩm 2	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Khoa học môi trường & SKMT 2	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Y xã hội học và nhân học y học	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Thống kê y học	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	3	45			Thi	
6.	Thực tập Y học dự phòng 3	2			2	90	Thi	
7.	Thực tập Y học dự phòng 4	4			4	180	Thi	Tự chọn
	Tổng cộng	20	10	135	10	405		

Ghi chú:

- Thực tập Y học dự phòng 3, 4 cả ngày từ 31/10/2016 đến 24/12/2016 do Khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường 2 tại Trung tâm y học dự phòng TP.Cần Thơ và cộng đồng theo kế hoạch của Bộ môn Sức khỏe môi trường.

Học kỳ 12: 15 tuần (06/02/2017 – 06/05/2017, có 1 tuần ôn thi và thi), 16 tín chỉ/465 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Y học đáp ứng với thảm họa	2	2	30			Thi	Tự chọn
2.	Chương trình y tế quốc gia	3	3	45			Thi	Tự chọn
3.	Kỹ năng xét nghiệm vi sinh	2			2	90	Thi	Tự chọn
4.	Kỹ năng xét nghiệm SKMT và SKNN	2			2	90	Thi	Tự chọn
5.	Luận văn tốt nghiệp	7			7	210	Thi	
	Tổng cộng	16	5	75	11	390		

Ghi chú:

- Thực tập Y học dự phòng 4 cả ngày từ 27/03/2017 đến 22/04/2017 do Khoa Y tế công cộng phụ trách.

- Thực tập Kỹ năng xét nghiệm vi sinh và Kỹ năng xét nghiệm SKMT và SKNN tại Trung tâm y tế dự phòng Cần Thơ và các cơ sở y tế trong TP.Cần Thơ.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ năm – thứ sáu: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ năm 2010.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập lâm sàng

Cả lớp chia thành 2 nhóm thực tập lâm sàng chung với lớp Y đa khoa và Răng hàm mặt do khoa Y phụ trách.

4. Luận văn tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2013 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học.

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện luận văn: từ 15/05/2017 – 03/06/2017.

- Báo cáo luận văn tốt nghiệp: 24/06/2017.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LINH

5. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành – Năm: D1, D2, D3, D4, D5.
- Thứ tự lớp: A, B

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K42: 165303A, 165303B
- Năm thứ hai-K41: 155303A, 155303B
- Năm thứ ba-K40: 145303A, 145303B
- Năm thứ tư-K39: 135303A, 135303B
- Năm thứ năm-K38: 125303A, 125303B

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2016–2021 – K42)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 140, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), **14 tín chỉ/339 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
2.	Anh văn I	3	3	45			Thi	
3.	Hoá đại cương vô cơ	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Xác suất - Thống kê y học	2	2	30			Thi	
5.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Vật lý	1	1	18			Thi	
Tổng cộng		14	10	159	4	150		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

17 tín chỉ/321 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Sinh học và di truyền	3	2	36	1	30	Thi	
4.	Hoá hữu cơ	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
Tổng cộng		17	13	201	4	120		

Học kỳ hè: 3 tuần (31/07/2017 – 19/08/2017), **8 tín chỉ/150 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
Tổng cộng		8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2015–2020 – K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số sinh viên: 133, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 15 tín chỉ/261 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý Y học- Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
3.	Dân số - Truyền thông và GD sức khoẻ	2	2	36			Thi	
4.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
5.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Hoá lý dược	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	15	13	201	2	60		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

17 tín chỉ/366 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý	4	3	45	1	30	Thi	
2.	Hoá sinh	3	2	36	1	30	Thi	
3.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Hoá phân tích I	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Thực vật dược	4	2	30	2	60	Thi	
6.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	10	156	7	210		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2014–2019 - K40)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số sinh viên: 212, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 16 tín chỉ/315 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tin học ứng dụng	2	1	15	1	30	Thi	
2.	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
4.	Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe	2	2	36			Thi	
5.	Dược động học	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học sức khỏe	1	1	18			Thi	
7.	Pháp chế dược	3	2	36	1	30	Thi	
	Tổng cộng	16	12	195	4	120		

**Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
17 tín chỉ/366 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Bệnh học Nội khoa	3	3	54			Thi	
2.	Dược lý I	2	2	36			Thi	
3.	Dược liệu I	4	2	30	2	60	Thi	
4.	Hoá dược I	4	2	36	2	60	Thi	
5.	Bào chế & Công nghiệp dược I	4	2	30	2	60	Thi	
	Tổng cộng	17	11	186	6	180		

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2013–2018 – K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 233, số lớp SV chuyên ngành: 2

Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 Tín chỉ/363 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Dược lý II	5	3	45	2	60	Thi	
2.	Dược liệu II	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Hoá dược II	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Độc chất học	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Bào chế & Công nghiệp dược II	4	2	30	2	60	Thi	
Tổng cộng		17	10	153	7	210		

Học kỳ 8: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

16 Tín chỉ/333 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Quản lý và kinh tế dược	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Đường lối CM của ĐCS VN	3	3	45			Thi	
3.	Kiểm nghiệm dược phẩm I	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Dược lâm sàng I	2	1	18	1	30	Thi	
5.	Một số dạng thuốc đặc biệt	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Thực hành dược khoa	2			2	90	Thi	
Tổng cộng		16	10	153	6	180		

Ghi chú:

- Cả lớp chia thành 5 nhóm thực tập các buổi sáng ở Khoa Dược và nhà thuốc Bệnh viện tại 1 trong 5 BV: BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐK TP. Cần Thơ, BV.Nhi đồng Cần Thơ, BV Phụ sản Cần Thơ và BV 121. Thời gian thực tập theo kế hoạch của bộ môn Quản lý dược – Khoa Dược.
- Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Dược tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ NĂM

(Khóa 2012–2017 – K38)

Tổng số sinh viên: 212, số lớp: 2

Học kỳ 9: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), **26 ĐVHT/600 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	30			Thi	
2.	Công nghệ SX Dược phẩm 2	5	2	30	3	90	Thi	
3.	Kiểm nghiệm dược phẩm 1	5	2	30	3	90	Thi	
4.	Dược lâm sàng 3	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Bệnh học	6	4	60	2	90	Thi	
6.	Dược liệu 4	3	1	15	2	60	Thi	
7.	Pháp chế dược 2	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	26	15	225	11	375		

Ghi chú:

- Thực hành Bệnh học tại BV Đa Khoa Trung ương Cần Thơ vào các buổi sáng từ ngày 28/11/2016 đến 24/12/2016 do Bộ môn Nội-Khoa Y phụ trách.

Học kỳ 10: 13 tuần (06/02/2017 – 06/05/2017, có 1 tuần ôn thi và thi, 4 tuần đi thực tế),

8 ĐVHT/255 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Kiểm nghiệm dược phẩm 2	4	3	45	1	30	Thi	
2.	Thực tế tốt nghiệp	4			4	180	Báo cáo	
3.	TN KH Mác-Lênin và Tư tưởng HCM	4					Thi	
4.	TN Khối kiến thức GD chuyên nghiệp	15					Thi	
	Tổng cộng	8/ 19 TN	3	45	5	210		

Ghi chú:

- Đi thực tế cả ngày từ 03/04/2017 đến ngày 29/04/2017 theo kế hoạch của Khoa Dược.

THI TỐT NGHIỆP

1. **Ôn thi tốt nghiệp:** từ 15/05/2017 – 24/06/2017.
2. **Học phần thi tốt nghiệp:**
 - Thi tốt nghiệp môn khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
 - Báo cáo luận văn tốt nghiệp (15 ĐVHT) hoặc thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (15 ĐVHT) gồm:
 - Phần cơ sở ngành (5 ĐVHT): Hóa lý, Dược lý
 - Phần chuyên môn 1 (5 ĐVHT): Dược liệu, Quản lý dược, Công nghiệp dược, Kiểm nghiệm.
 - Phần chuyên môn 2 (5 ĐVHT): Hóa dược, Dược lâm sàng, Bào chế
3. **Thời gian thi tốt nghiệp:**
 - Khoa học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10/06/2017.
 - Báo cáo luận văn tốt nghiệp: 24/06/2017.
 - Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
 - * *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

- Năm thứ nhất - thứ tư: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

- Năm thứ năm: Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo niên chế kết hợp học phần.

2. Kiểm tra và thi học phần

2.1. Đối với năm thứ nhất – thứ tư (đào tạo theo học chế tín chỉ)

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

2.2. Đối với các năm thứ năm (đào tạo theo niên chế kết hợp học phần)

- Thực hiện Chương III- Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo Đại học số 435/QĐ- ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập / Thực tế

- Thực hành tại BV Đa khoa trung ương Cần Thơ, BV Đa khoa thành phố Cần Thơ, BV Nhi đồng Cần Thơ và BV Y học dân tộc thành phố Cần Thơ. Ngoài ra, sinh viên còn thực tập tại công ty cổ phần Dược Hậu Giang.

- Sinh viên năm thứ tư có thêm 3 tuần thực tập hè (tự học). Khoa Dược sẽ tổ chức và quản lý sinh viên tự học (chia 2 nhóm, mỗi nhóm thực tập 3 tuần).

4. Luận văn / Thi tốt nghiệp

- Thực hiện theo Quyết định số: 1623/QĐ-ĐHYDCT, ngày 16 tháng 12 năm 2013 Quy định thực hiện luận văn tốt nghiệp bậc đại học.

- Thực hiện Chương IV- Thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ- ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

6. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: ĐD1, ĐD2, ĐD3, ĐD4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ hai-K42: 165305A
- Năm thứ hai-K41: 155305A
- Năm thứ ba-K40: 145305A
- Năm thứ tư-K39: 135305A

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020, K42)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 80, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 15 tín chỉ/345 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn I	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
4.	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý và Lý sinh	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Sinh học và Di truyền	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	15	11	165	4	150		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**17 tín chỉ/318 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Sức khỏe - Nâng cao SK & hành vi con người	1	1	18			Thi	
4.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Hóa học	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	13	198	4	120		

Học kỳ hè: 3 tuần (31/07/2017 – 19/08/2017), 8 tín chỉ/150 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2015–2019, K41)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 69, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/345 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Điều dưỡng cơ sở I	4	2	30	2	60	Thi	
	Tổng cộng	17	11	165	6	180		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**17 tín chỉ/411 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
3.	Dược lý	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Dinh dưỡng - Tiết chế	3	2	30	1	30	Thi	
5.	GDSK trong thực hành Điều dưỡng	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ sở	2			2	90	Thi	
7.	Điều dưỡng cơ sở II	3	1	18	2	60	Thi	
	Tổng cộng	17	9	141	8	270		

Ghi chú:

Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ sở tại Bệnh viện trường ĐHYD Cần Thơ từ ngày 08/05/2017 đến ngày 03/06/2017.

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2018, K40)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 89, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 18 Tín chỉ/498 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
2.	Dịch tễ học	2	1	18	1	30	Thi	
3.	Sức khoẻ môi trường	2	1	18	1	30	Thi	
4.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
5.	KSNK trong thực hành điều dưỡng	2	1	18	1	45	Thi	
6.	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐĐ I	2	1	18	1	45	Thi	
7.	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I	3	1	18	2	90	Thi	
8.	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	18	10	168	8	330		

Ghi chú:

- Cả lớp chia thành 3 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa: CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I, CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I tại bệnh viện ĐK TƯ Cần Thơ, SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐĐ I tại BV phụ sản Cần Thơ, KSNK trong thực hành điều dưỡng tại BV Trường.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
03/10/2016-15/10/2016	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I	KSNK trong thực hành điều dưỡng
17/10/2016-29/10/2016			SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐĐ I
31/10/2016-12/11/2016	KSNK trong thực hành điều dưỡng	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I
14/11/2016-26/11/2016	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐĐ I		
28/11/2016-10/12/2016	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I	KSNK trong thực hành điều dưỡng	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I
12/12/2016-24/12/2016		SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐĐ I	

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
18 Tín chỉ/525 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Pháp luật - Tổ chức Y tế	2	1	18	1	30	Thi	
2.	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II	2	1	15	1	45	Thi	
3.	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Chăm sóc người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Chăm sóc cho người cần được PHCN	2	1	18	1	45	Thi	
6.	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	2	1	18	1	45	Thi	
8.	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	1	18	2	90	Thi	
	Tổng cộng	18	8	135	9	390		

Ghi chú:

- Thực tập Chăm sóc sức khỏe cộng đồng từ ngày 22/05/2017 đến 03/06/2017.
- Lớp chia thành 3 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
27/02/2017-11/03/2017	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II	CS người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I
13/03/2017-25/03/2017	CS người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II
27/03/2017-08/04/2017	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa II	CS người bệnh cấp cứu & chăm sóc tích cực I	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa II
10/04/2017-22/04/2017	Chăm sóc cho người cần được PHCN	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I
24/04/2017-06/05/2017	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	Chăm sóc cho người cần được PHCN	Chăm sóc sức khỏe tâm thần
08/05/2017-20/05/2017	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	Chăm sóc sức khỏe trẻ em I	Chăm sóc cho người cần được PHCN

- Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017, K39)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 63, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 Tín chỉ/504 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Y học cổ truyền	2	1	18	1	45	Thi	<i>Chia 2 nhóm thực tập luận khoa.</i>
2.	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa III	4	2	30	2	90	Thi	
3.	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa III	4	2	30	2	90	Thi	
4.	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD II	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Chăm sóc sức khỏe trẻ em II	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm	2	1	18	1	45	Thi	
7.	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	17	9	144	8	360		

Ghi chú:

+ Thực hành CSSK người lớn có bệnh Nội khoa III tại Khoa Nội của BV ĐK TƯ Cần Thơ, BV Trường, BV Lao và Bệnh phổi Cần Thơ và Bệnh viện Da liễu Cần Thơ.

+ Thực hành CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa III tại Khoa Ngoại của BV ĐK TƯ Cần Thơ, BV Trường.

+ Thực hành SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD II tại BV phụ sản Cần Thơ.

+ Thực hành Chăm sóc sức khỏe trẻ em II tại Khoa Nội Nhi của BV Nhi Đồng Cần Thơ.

+ Thực hành Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm tại BV ĐK TƯ Cần Thơ.

+ Thực hành Y học cổ truyền tại Bệnh viện y học cổ truyền Cần Thơ.

+ Thực hành Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại BV ĐK TƯ Cần Thơ, BV Trường.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thời gian	Nhóm 1	Nhóm 2
05/09/2016 – 01/10/2016	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa III	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa III
03/10/2016 – 29/10/2016	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa III	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa III
31/10/2016 – 12/11/2016	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD II	Chăm sóc sức khỏe trẻ em II
14/11/2016 – 26/11/2016	Chăm sóc sức khỏe trẻ em II	SK Phụ nữ, bà mẹ, gia đình và CS ĐD II
28/11/2016 – 10/12/2016	CSSK người bệnh truyền nhiễm	Y học cổ truyền
12/12/2016 – 24/12/2016	Y học cổ truyền	CSSK người bệnh truyền nhiễm

Học kỳ 8: 13 tuần (06/02/2017 – 06/05/2017, 1 tuần ôn thi và thi), 16 Tín chỉ/649 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số Tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Đường lối CM của ĐCS VN	3	3	45			Thi	
2.	Quản lý điều dưỡng	2	1	18	1	30	Thi	
3.	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn	8	2	36	6	270	Thi	
4.	Chuyên đề tốt nghiệp/ Học phần tốt nghiệp	3			3	135	Thi	
	Tổng cộng	16	6	99	10	435		

Ghi chú:

Thực hành Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn vào buổi sáng từ ngày 06/02/2017 đến ngày 29/04/2017.

**ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CHUYÊN KHOA TỰ CHỌN
(chọn 1 trong 5 học phần)**

TT	Tên học phần
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nội khoa
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Ngoại khoa
3	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Sản-Phụ khoa
4	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Nhi khoa
5	Định hướng cơ bản chuyên khoa chăm sóc bệnh Mắt, Tai-Mũi-Họng, Răng-Hàm-Mặt

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập / Thực tế

- Sinh viên năm thứ 3 chia 2 nhóm thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

4. Định hướng cơ bản chuyên khoa

- Đầu năm thứ 4 sinh viên đăng ký định hướng cơ bản chuyên khoa. Tùy vào số lượng đăng ký từng chuyên khoa mà Trường sẽ xét duyệt lại cho phù hợp.

- Thực tập 12 tuần buổi sáng, buổi chiều học lý thuyết.

5. Chuyên đề tốt nghiệp/ Học phần tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định thực hiện Chuyên đề tốt nghiệp và học phần tốt nghiệp bậc đại học sẽ ban hành.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

7. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG HỆ CHÍNH QUY NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

Ngành-năm: YTCC1, YTCC2, YTCC3, YTCC4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất – K42: 165306A
- Năm thứ hai – K41: 155306A
- Năm thứ ba – K40: 145306A
- Năm thứ tư – K39: 135306A

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020 - K42)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 42, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 15 tín chỉ/345 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn I	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
4.	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý và Lý sinh	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Sinh học và Di truyền	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	15	11	165	4	150		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**17 tín chỉ/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
3.	Hóa học	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	12	180	4	120		

Học kỳ hè: 3 tuần (31/07/2017 – 19/08/2017), 8 tín chỉ/150 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2015–2019, K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 31, số lớp SV chuyên ngành: 1**Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/345 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Vi sinh	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Các bệnh thông thường I	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Quản lý tài chính và kinh tế y tế	2	2	30			Thi	
7.	Sức khỏe môi trường cơ bản	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	17	13	180	4	165		

Ghi chú: - Thực tập Các bệnh thông thường I buổi sáng từ ngày 21/11/2016 đến ngày 03/12/2016 tại Bệnh viện Đa khoa TP.Cần Thơ do bộ môn Y học gia đình Khoa Y phụ trách.

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/393 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Tổ chức và quản lý hệ thống y tế	2	2	30			Thi	
3.	Chính sách y tế	2	2	30			Thi	
4.	Dịch tễ học cơ bản	2	2	30			Thi	
5.	Nguyên lý quản lý và các kỹ năng quản lý CB	2	2	30			Thi	
6.	Sức khỏe nghề nghiệp cơ bản	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	18	1	45	Thi	
8.	Thực tập cộng đồng I	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	11	183	6	210		

Ghi chú: - Học phần Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi **chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, BV ĐK TPCT do Khoa ĐD và KTYH phụ trách.

- Học phần Thực tập cộng đồng I thực tập cả ngày, liên tục 2 tuần từ 06/03/2017 đến 18/03/2017.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	15/05/2017-19/05/2017	22/05/2017-26/05/2017
YTCC	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2018, K40)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 40, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/288 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
2.	Các bệnh thông thường II	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Quản lý dịch vụ y tế	3	3	45			Thi	
4.	Sức khỏe sinh sản	2	2	30			Thi	
5.	Kế hoạch y tế	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
7.	Nhân học và Xã hội học Sức khỏe	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	17	15	228	2	60		

Ghi chú:

- Thực tập Các bệnh thông thường II từ ngày 05/12/2016 đến ngày 17/12/2016 tại Bệnh viện Đa khoa TP.Cần Thơ do bộ môn Y học gia đình Khoa Y phụ trách.

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/420 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Nâng cao sức khỏe	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Nghiên cứu định tính	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Dân số và phát triển	2	2	30			Thi	
4.	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	1	15	1	30	Thi	
6.	Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Thống kê dân số y tế	2	1	15	1	30	Thi	
8.	Thực tập cộng đồng II	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	9	135	8	285		

Ghi chú:

- Học phần Thực tập cộng đồng II thực tập cả ngày, liên tục 2 tuần từ 20/03/2017 đến 31/03/2017.

- *Thực tập Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng do bộ môn Dịch tễ học phụ trách.*
- *Thực tập Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng từ ngày 22/05/2017 đến ngày 03/06/2017 do bộ môn Phục hồi chức năng khoa Y phụ trách.*
- *Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017 ở các trung tâm, chi cục chuyên ngành liên quan của Sở Y tế Cần Thơ, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Y tế công cộng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.*

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017, K39)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 21, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 17 tín chỉ/315 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Phân loại bệnh tật và tử vong quốc tế	2	1	15	1	30	Thi	
2.	Y học gia đình	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Dân số và phát triển	2	2	30			Thi	
4.	Dịch tễ học bệnh không truyền nhiễm	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Chính sách Dân số	2	2	30			Thi	
6.	Sức khỏe lứa tuổi	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Truyền thông về DS-KHHGD	2	1	15	1	45	Thi	
8.	Thực tập cộng đồng III	3			3	135	Thi	
	Tổng cộng	18	10	150	8	345		

Ghi chú:

- Thực tập Y học gia đình tại các phòng khám Y học gia đình do bộ môn Y học gia đình Khoa Y phụ trách.
- Thực tập Sức khỏe lứa tuổi tại cộng đồng do bộ môn Sức khỏe môi trường khoa Y tế công cộng phụ trách.
- Thực tập Truyền thông về DS-KHHGD do bộ môn Thống kê - Dân số khoa Y tế công cộng phụ trách.
- Thực tập Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng do bộ môn Dịch tễ học phụ trách.
- Thực tập cộng đồng III cả ngày từ ngày 28/11/2016 đến ngày 17/12/2016.

Học kỳ 8: 14 tuần (06/02/2017 – 13/05/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 22 tín chỉ/330 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Đường lối CM của ĐCS VN	3	3	45			Thi	
2.	Tự chọn	10	2	30	8	240	Thi	
3.	Chuyên đề tốt nghiệp/ Học phần tốt nghiệp	3					Thi	
	Tổng cộng	22	8	120	6	210		

HỌC PHẦN TỰ CHỌN (CHỌN 1 TRONG 2 NHÓM)

NHÓM 1: Y TẾ DỰ PHÒNG, DD-VSATTP VÀ SKMT	NHÓM 2. TT-GDSK – SKSS VÀ HIV/AIDS
Tiêm chủng mở rộng và vắc xin trong công tác phòng chống dịch bệnh (5TC)	Truyền thông giáo dục sức khỏe (5TC)
Dinh dưỡng - An toàn vệ sinh thực phẩm và Sức khỏe môi trường – SKNN (5TC)	Dân số KHHGD - Sức khỏe sinh sản – HIV/AIDS (5TC)

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Học phần tự chọn

Sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm tự chọn, mỗi nhóm có 2 học phần, mỗi học phần 5 tín chỉ.

4. Chuyên đề tốt nghiệp/ Học phần tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định thực hiện Chuyên đề tốt nghiệp và học phần tốt nghiệp bậc đại học sẽ ban hành.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

**8. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KỸ THUẬT Y HỌC
CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM
HỆ CHÍNH QUY
NĂM HỌC 2016–2017**

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: XN1, XN2, XN3, XN4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K42 : 165307A
- Năm thứ hai - K41 : 155307A
- Năm thứ ba - K40 : 145307A
- Năm thứ tư - K39 : 135307A

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2015 –2019- K42)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV dự kiến: 80, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 15 tín chỉ/345 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN I	2	2	30			Thi	
2.	Anh văn I	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục thể chất	3	1	15	2	90	Thi	
4.	Tâm lý y học – Đạo đức Y học	2	2	30			Thi	
5.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý và Lý sinh	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Sinh học và Di truyền	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	15	11	165	4	150		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**16 tín chỉ/300 tiết**

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Những nguyên lý của CNMLN II	3	3	45			Thi	
2.	Tin học đại cương	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Anh văn II	3	3	45			Thi	
4.	Hóa học	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	16	12	180	4	120		

Học kỳ hè: 3 tuần (31/07/2017 – 19/08/2017), 8 tín chỉ/150 tiết

TT	Tên học phần	Tổng số tín chỉ	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Giáo dục quốc phòng – an ninh I	3	3	45			Thi	
2.	Giáo dục quốc phòng – an ninh II	2	2	30			Thi	
3.	Giáo dục quốc phòng – an ninh III	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	8	7	105	1	45		

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2014 –2018- K41)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 82, số lớp SV chuyên ngành: 1**Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 16 tín chỉ/351 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Anh văn chuyên ngành	3	3	45			Thi	
2.	Xét nghiệm cơ bản	3	1	18	2	60	Thi	
3.	Mô phôi	1	1	18			Thi	
4.	Hoá sinh I	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Vi sinh I	3	1	15	2	60	Thi	
6.	Ký sinh trùng I	3	1	15	2	60	Thi	
	Tổng cộng	16	9	141	7	210		

**Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
17 tín chỉ/405 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi Chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	1	1	18			Thi	
2	Huyết học tế bào I	3	1	15	2	60	Thi	
3	Hoá sinh II	4	1	18	3	90	Thi	
4	Vi sinh II	3	1	15	2	60	Thi	
5	Ký sinh trùng II	3	1	15	2	60	Thi	
6	Dược lý	1	1	18			Thi	
7	Dinh dưỡng - VS an toàn thực phẩm	1	1	18			Thi	
8	TCYT- Chương trình YT quốc gia - GDSK	1	1	18			Thi	
	Tổng cộng	17	8	135	9	270		

NĂM THỨ BA**(Khóa 2013 –2017- K40)****Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 93, số lớp SV chuyên ngành: 1****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 18 tín chỉ/393 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1.	Xác suất – Thống kê y học	2	2	30			Thi	
2.	Huyết học tế bào II	3	1	15	2	60	Thi	
3.	Xét nghiệm tế bào I	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Sức khỏe môi trường	1	1	18			Thi	
5.	Hóa sinh III	3	1	15	2	60	Thi	
6.	Vi sinh III	3	1	15	2	60	Thi	
7.	Ký sinh trùng III	2	1	15	1	30	Thi	
8.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	18	10	153	8	240		

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), 18 tín chỉ/561 tiết

T T	Tên học phần	Tổng Số tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi Chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Huyết học đông máu và huyết học truyền máu	3	1	18	2	60	Thi	
2	Điều dưỡng cơ bản - cấp cứu ban đầu	2	1	15	1	30	Thi	
3	Xét nghiệm tế bào I	2	1	15	1	30	Thi	
4	Y sinh học phân tử	2	1	18	1	30	Thi	
5	Vi sinh IV	3	1	15	2	60	Thi	
6	Thực tập KTXN I: Vi sinh-Ký sinh trùng	3			3	135	Thi	
7	Thực tập KTXN II: Hoá sinh	3			3	135	Thi	
	Tổng cộng	18	5	81	13	480		

Ghi chú: Chia 2 nhóm thực hành xét nghiệm buổi sáng từ ngày 20/03/2017 đến ngày 10/06/2017 tại bệnh viện Trường, BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐK TPCT, BV Nhi đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC HÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM

	Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2
Thời gian			
20/03/2017 – 29/04/2017		Vi sinh-Ký sinh trùng	Hoá sinh
03/05/2017 – 10/06/2017		Hoá sinh	Vi sinh-Ký sinh trùng

Ghi chú: Chia 2 nhóm đi thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng và KTYH tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

NĂM THỨ TƯ

(Khóa 2012 –2016- K39)

Đào tạo theo học chế tín chỉ, tổng số SV: 112, số lớp SV chuyên ngành: 1

Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 16 Tín chỉ/507 tiết

T T	Tên học phần	Tổng Tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Đường lối CM của ĐCS VN	3	3	45			Thi	
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	18			Thi	
3	Xét nghiệm huyết học nâng cao	2	1	18	1	30	Thi	
4	Bệnh học Nội khoa	1	1	18			Thi	
5	Bệnh học Ngoại khoa	1	1	18			Thi	
6	Thực tập KTXN II: Hoá sinh	3			3	135	Thi	
7	Thực tập KTXN III: Huyết học	3			3	135	Thi	
8	Thực tập KTXN IV: Xét nghiệm tế bào	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	16	7	117	9	390		

Ghi chú: Chia 3 nhóm thực hành kỹ thuật xét nghiệm buổi sáng tại bệnh viện Trường, BV ĐKTU Cần Thơ, BV ĐK TPCT, BV Nhi đồng Cần Thơ. Mỗi học phần thực tập 6 tuần, **riêng Xét nghiệm tế bào thực tập 4 tuần.**

LỊCH THỰC HÀNH KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM

Thời gian \ Nhóm	Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
29/08/2016 – 10/09/2016	Hoá sinh	Nghỉ 2 tuần	Huyết học
12/09/2016 – 08/10/2016		Xét nghiệm tế bào	
10/10/2016 – 05/11/2016	Huyết học	Hoá sinh	Xét nghiệm tế bào
07/11/2016 – 19/11/2016			Nghỉ 2 tuần
21/11/2016 – 17/12/2016	Xét nghiệm tế bào	Huyết học	Hoá sinh
19/12/2016 – 31/12/2016	Nghỉ 2 tuần		

Học kỳ 8: 15 tuần (06/02/2017 – 13/05/2017, có 1 tuần ôn thi và thi), **18 Tín chỉ/720 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng Tín chỉ	Phân bố				Đánh Giá	Ghi Chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			Tín chỉ	Số tiết	Tín chỉ	Số tiết		
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn I	5	1	15	4	180	Thi	
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn II	5	1	15	4	180	Thi	
3	Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn III	5	1	15	4	180	Thi	
4	Chuyên đề tốt nghiệp/ Học phần tốt nghiệp	3			3	135	Báo cáo/Thi	
	Tổng cộng	18	3	45	15	675		

Ghi chú:

- Học lý thuyết Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn từ ngày 06/02/2017 đến 11/02/2017.
- Thực tập Định hướng cơ bản chuyên khoa tự chọn cả ngày từ 13/02/2017 đến 06/05/2017.

**ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN CHUYÊN KHOA TỰ CHỌN
(chọn 1 trong 5 môn, mỗi môn có 3 học phần)**

TT	Tên học phần	TC
1	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh - Ký sinh trùng I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh - Ký sinh trùng II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Vi sinh - Ký sinh trùng III	5
2	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Hóa sinh III	5
3	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Huyết học III	5
4	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y sinh học – Di truyền I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y sinh học – Di truyền II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Y sinh học – Di truyền III	5
5	Định hướng cơ bản chuyên khoa Xét nghiệm tế bào I	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Xét nghiệm tế bào II	5
	Định hướng cơ bản chuyên khoa Xét nghiệm tế bào III	5

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình đào tạo

Áp dụng chương trình chi tiết đào tạo theo học chế tín chỉ. Sinh viên phải đăng ký học phần (trừ năm thứ nhất) dựa trên dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học.

2. Kiểm tra và thi học phần

Thực hiện Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-ĐHYDCT ngày 1 tháng 10 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Thực tập

Sinh viên năm thứ 3 chia 2 nhóm thực tập hè (tự học) từ 10/07/2017 đến 19/08/2017 tại Bệnh viện Trường, mỗi nhóm thực tập 3 tuần. Khoa Điều dưỡng tổ chức và quản lý sinh viên tự học.

4. Chuyên đề tốt nghiệp/ Học phần tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định thực hiện Chuyên đề tốt nghiệp và học phần tốt nghiệp bậc đại học sẽ ban hành.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

II. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM

9. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SĨ ĐA KHOA HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: Y⁴1, Y⁴2, Y⁴3, Y⁴4
- Thứ tự lớp: A, B, C, D

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K30: 163301A, 163301B, 163301C, 163301D
- Năm thứ hai - K29: 153301A, 153301B, 153301C, 153301D
- Năm thứ ba - K28: 143301A, 143301B, 143301C, 143301D
- Năm thứ tư - K27: 133301A, 133301B, 133301C, 133301D

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

4. Hình thức thi tốt nghiệp

- Thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác Lênin-Tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020, K30)****Tổng số sinh viên dự kiến: 400, số lớp: 4****Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 26 ĐVHT/527 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	NNLCB CNMLN1(*)	3	3	45			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	5	5	75			Thi	<i>Anh văn</i>
3.	Hóa đại cương - Vô cơ	4	2	30	2	60	Thi	
4.	Sinh học đại cương	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Tin học	4	2	30	2	60	Thi	
6.	Vật lý đại cương - Lý sinh	4	2	30	2	60	Thi	
7.	Huấn luyện KN 1	2			2	62	Thi	
	Tổng cộng	26	19	255	9	272		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi), 27 ĐVHT/527 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	NNLCB CNMLN2(*)	5	5	75			Thi	
2.	Tâm lý học	2	2	30			Thi	
3.	Ngoại ngữ chuyên ngành	5	5	75			Thi	
4.	Hóa hữu cơ	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Di truyền học	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu 1	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
8.	Huấn luyện KN 2	2			2	60	Thi	
9.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	27	20	300	7	227		

Ghi chú:

- (*): Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-LêNin.

- Học phần Ngoại ngữ chỉ tổ chức giảng dạy môn Anh văn. Các Ngoại ngữ khác chỉ mở lớp khi có khoảng 15 sinh viên, nhà trường sẽ hướng dẫn giải quyết từng trường hợp cụ thể. Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá Anh văn đầu vào, sinh viên có thể sử dụng kết quả thi đầu vào để xin miễn học Ngoại ngữ.

- Học phần thực tập Điều dưỡng cơ bản thực tập buổi **chiều** tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ và Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ do Khoa Điều Dưỡng và KTYH phụ trách. Thi thực hành lâm sàng được tổ chức vào 2 ngày cuối cùng của mỗi đợt thực tập.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	29/05/2017-02/06/2017	05/06/2017-09/06/2017
	1 tuần	1 tuần
Lớp Y ⁴ 1A và Y ⁴ 1B	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại
Lớp Y ⁴ 1C và Y ⁴ 1D	Điều dưỡng Ngoại	Điều dưỡng Nội

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2015–2019, K29)****Tổng số sinh viên: 455, số lớp: 4****Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 27 ĐVHT/510 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Tư tưởng HCM	3	3	45			Thi	
2.	Giải phẫu 2	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Sinh lý học	6	5	75	1	30	Thi	
4.	Hóa sinh	5	4	60	1	30	Thi	
5.	Vì sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Huấn luyện KN 2	2			2	60	Thi	
8.	GD nâng cao SK	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	27	20	300	7	210		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**27ĐVHT/540 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Giải phẫu bệnh	3	2	30	1	30	Thi	
2.	SLB và MD	5	3	45	2	60	Thi	
3.	Dược lý	4	3	45	1	30	Thi	
4.	Phẫu thuật TH	2	1	15	1	30	Thi	
5.	DD-VSATTP	2	2	30			Thi	
6.	SK môi trường-bệnh nghề nghiệp	3	3	45			Thi	
7.	Dịch tễ học	4	4	60			Thi	
8.	CT y tế quốc gia	2	2	30			Thi	
9.	Thực tập cộng đồng 1	2			2	90	Thi	
	Tổng cộng	27	20	300	5	240		

Ghi chú:

Thực tập cộng đồng 1 cả ngày từ 20/02/2017 – 04/03/2017, khoa Y tế công cộng phụ trách.

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2018, K28)****Tổng số sinh viên: 466, số lớp: 4****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 27 ĐVHT/705 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội cơ sở	3	2	30	1	45	Thi	<i>Chia 3 nhóm lớn (6 nhóm nhỏ) thực tập luân khoa</i>
2.	Ngoại cơ sở	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Truyền nhiễm	4	3	45	1	45	Thi	
4.	Lao và bệnh phổi	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Răng hàm mặt	3	2	30	1	45	Thi	
6.	Phục hồi chức năng	3	2	30	1	45	Thi	
7.	TCYT-Bảo hiểmYT	2	2	30			Thi	
8.	Các vấn đề DS-BVSKBMTE-SKSS	2	2	30			Thi	
9.	Thực tập cộng đồng 2	4			4	180	Thi	
	Tổng cộng	27	17	255	10	450		

Ghi chú:

Thực tập cộng đồng 2 cả ngày từ 07/11/2016– 19/11/2016, khoa Y tế công cộng phụ trách.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm lớn	A		B		C	
	1	2	3	4	5	6
12/09/2016 - 24/09/2016	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM	PHCN
26/09/2016 - 08/10/2016	<i>Nghỉ 2 tuần (Thực tập cộng đồng 2)</i>					
10/10/2016 - 22/10/2016	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM
24/10/2016 - 05/11/2016	RHM	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP
07/11/2016 - 19/11/2016	Lao và BP	RHM	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm
21/11/2016 - 03/12/2016	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM	PHCN	Nội cơ sở	Ngoại cơ sở
05/12/2016 - 17/12/2016	Ngoại cơ sở	Truyền nhiễm	Lao và BP	RHM	PHCN	Nội cơ sở

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
27 ĐVHT/660 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	PP NCKH	2	2	30			Thi	
2.	Y học gia đình	1	1	15			Thi	
3.	Y học thảm họa	1	1	15			Thi	
4.	CD hình ảnh	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Tai mũi họng	3	2	30	1	45	Thi	<i>Chia 4 nhóm lớn (8 nhóm nhỏ) thực tập luận khoa</i>
6.	Mắt	3	2	30	1	45	Thi	
7.	Y học cổ truyền	4	2	30	2	90	Thi	
8.	Da liễu	3	2	30	1	45	Thi	
9.	Thần kinh	2	1	15	1	45	Thi	
10.	Tâm thần	3	2	30	1	45	Thi	
11.	Ung thư đại cương	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	27	18	270	9	390		

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A		B		C		D	
	1	2	3	4	5	6	7	8
13/02/2017 - 25/02/2017	Tai mũi họng	Mắt	Tâm thần	Thần kinh	Ung thư ĐC	Da liễu	Y học cổ truyền	
27/02/2017 - 11/03/2017	Mắt	Tai mũi họng	Thần kinh	Tâm thần	Da liễu	Ung thư ĐC	Y học cổ truyền	
13/03/2017 - 25/03/2017	Y học cổ truyền		Tai mũi họng	Mắt	Tâm thần	Thần kinh	Ung thư ĐC	Da liễu
27/03/2017 - 08/04/2017			Mắt	Tai mũi họng	Thần kinh	Tâm thần	Da liễu	Ung thư ĐC
10/04/2017 - 22/04/2017	Ung thư ĐC	Da liễu	Y học cổ truyền		Tai mũi họng	Mắt	Tâm thần	Thần kinh
24/04/2017 - 06/05/2017	Da liễu	Ung thư ĐC			Mắt	Tai mũi họng	Thần kinh	Tâm thần
08/05/2017 - 20/05/2017	Tâm thần	Thần kinh	Ung thư ĐC	Da liễu	Y học cổ truyền		Tai mũi họng	Mắt
22/05/2017 - 03/06/2017	Thần kinh	Tâm thần	Da liễu	Ung thư ĐC			Mắt	Tai mũi họng

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017, K27)****Tổng số sinh viên: 423, số lớp: 4****Học kỳ 7: 19 tuần (29/08/2016 đến 31/12/2016, có 2 tuần ôn thi và thi), 25-26 ĐVHT**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	Lớp A, B
2.	Nội bệnh lý 2	5	3	45	2	90	Thi	
3.	Nhi 1	5	3	45	2	90	Thi	
4.	Nhi 2	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	Lớp C, D
6.	Ngoại bệnh lý 2	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Phụ sản 1	5	3	45	2	90	Thi	
8.	Phụ sản 2	4	2	30	2	90	Thi	
9.	Đường lối CM của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
10.	Pháp y	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	26/25	17/16	315	9	390		

Ghi chú:

Sinh viên thực tập vào buổi sáng do các bộ môn Nội, Ngoại tổng quát, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ung bướu, Nhi phụ trách.

- *Thực tập lâm sàng Nội, LS. Ngoại, Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ, Bệnh viện Trường.*
- *Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A	B	C	D
29/08/2016 đến 22/10/2016	Nội bệnh lý 1-2	Nhi 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2
24/10/2016 đến 17/12/2016	Nhi 1-2	Nội bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2

Học kỳ 8: 19 tuần (02/01/2017 đến 13/05/2017, có 2 tuần nghỉ Tết và 1 tuần ôn thi và thi),
18-19 ĐVHT

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	Lớp C,D
2.	Nội bệnh lý 2	5	3	45	2	90	Thi	
3.	Nhi 1	5	3	45	2	90	Thi	
4.	Nhi 2	4	2	30	2	90	Thi	
5.	Ngoại bệnh lý 1	5	3	45	2	90	Thi	Lớp A,B
6.	Ngoại bệnh lý 2	4	2	30	2	90	Thi	
7.	Phụ sản 1	5	3	45	2	90	Thi	
8.	Phụ sản 2	4	2	30	2	90	Thi	
9.	TN khoa học Mác-Lênin TTHCM	4					Thi	
10.	TN khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	19/18/ 14	11/10	165/15 0	8	360		

Ghi chú:

Sinh viên thực tập vào buổi sáng do các bộ môn Nội, Ngoại tổng quát, Ngoại chấn thương chỉnh hình, Ung bướu, Nhi phụ trách

- Thực tập lâm sàng Nội, LS. Ngoại, Phụ sản tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ, Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ và Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ, Bệnh viện Trường.
- Thực tập lâm sàng Nhi tại bệnh viện Nhi Đồng Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Lớp	A	B	C	D
02/01/2017 đến 11/02/2017	Ngoại bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2	Nội bệnh lý 1-2	Nhi 1-2
23/01/2017- 04/02/2017	Nghỉ Tết			
13/02/2017 đến 11/03/2017	Ngoại bệnh lý 1-2	Phụ sản 1-2	Nội bệnh lý 1-2	Nhi 1-2
13/03/2017 đến 08/04/2017	Phụ sản 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2	Nhi 1-2	Nội bệnh lý 1-2
10/04/2017- 15/04/2017	Nghỉ, Thi HK II			
17/04/2017 đến 13/05/2017	Phụ sản 1-2	Ngoại bệnh lý 1-2	Nhi 1-2	Nội bệnh lý 1-2

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 15/05/2017-24/06/2017.

2. Học phần tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT) gồm :
 - + Phần cơ sở ngành (2 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - + Phần chuyên môn 1 (5 ĐVHT): Nội, Ngoại, Phụ sản, Nhi.
 - + Phần chuyên môn 2 (3 ĐVHT): Y tế công cộng.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng HCM: 10/06/2017.
- Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017
- * *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

10. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: YHCT⁴¹, YHCT⁴², YHCT⁴³, YHCT⁴⁴
- Thứ tự lớp: A, B

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K30: 163308A
- Năm thứ hai-K29: 153308A
- Năm thứ ba-K28: 143308A
- Năm thứ tư-K27: 133308A

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020, K30)****Tổng số sinh viên dự kiến: 80, số lớp: 1****Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 26 ĐVHT/395 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	NNLCB CNMLN1(*)	3	3	45			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	5	5	75			Thi	<i>Trung văn</i>
3.	Hóa đại cương - Vô cơ	4	2	30	2	60	Thi	
4.	Sinh học đại cương	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Xác suất thống kê	2	2	30			Thi	
6.	Tin học	4	2	30	2	60	Thi	
7.	Vật lý đại cương - Lý sinh	4	2	30	2	60	Thi	
	Tổng cộng	26	19	285	7	210		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**28 ĐVHT/582 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	NNLCB CNMLN2(*)	5	5	75			Thi	
2.	Tâm lý học	2	2	30			Thi	
3.	Ngoại ngữ 2	5	5	75			Thi	<i>Trung văn</i>
4.	Hoá hữu cơ	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Di truyền học	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giải phẫu 1	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Mô phôi	3	2	30	1	30	Thi	
8.	Lý luận cơ bản y học phương Đông 1	3	3	45			Thi	
9.	Điều dưỡng cơ bản	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	28	23	345	7	227		

Ghi chú: Thực tập Điều dưỡng cơ bản buổi *chiều* tại bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ và Bệnh viện Đa Khoa thành phố Cần Thơ do Khoa Điều Dưỡng và KTYH phụ trách.

LỊCH THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN

Thời gian	29/05/2017-02/06/2017	05/06/2017-09/06/2017
YHCT⁴	Điều dưỡng Nội	Điều dưỡng Ngoại

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2015–2019, K29)****Tổng số sinh viên: 79, số lớp: 1****Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 30 ĐVHT/570 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Tư tưởng HCM	3	3	45			Thi	
2.	Giải phẫu 2	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Sinh lý học	6	5	75	1	30	Thi	
4.	Hóa sinh	5	4	60	1	30	Thi	
5.	Vì sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Lý luận cơ bản y học phương Đông 2	5	2	30	3	90	Thi	
8.	Giáo dục sức khỏe	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	30	22	330	8	240		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),**27 ĐVHT/495 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Giải phẫu bệnh	3	2	30	1	30	Thi	
2.	SLB và MD	5	3	45	2	60	Thi	
3.	Dược lý	4	3	45	1	30	Thi	
4.	Các hình thức châm cứu 1	3	2	30	1	30	Thi	
5.	DD-VSATTP	2	2	30			Thi	
6.	Sức khỏe môi trường - bệnh nghề nghiệp	3	3	45			Thi	
7.	Dịch tễ học	4	4	60			Thi	
8.	Thuốc YHCT–Phương tễ 1	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	27	21	315	6	180		

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2018, K28)****Tổng số sinh viên: 90, số lớp: 1****Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 28 ĐVHT/790 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Nội cơ sở và bệnh học 1	4	2	30	2	90	Thi	<i>Chia nhóm thực tập khoa. 4 luận</i>
2.	Truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Lao và bệnh phổi	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Phục hồi chức năng	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Phụ sản	5	3	45	2	90	Thi	
7.	TCYT-Bảo hiểmYT	2	2	30			Thi	
8.	Các hình thức châm cứu 2	3	1	15	2	60	Thi	
9.	Các vấn đề DS-BVSKBMTE-SKSS-CTYTQG	2	2	30			Thi	
10.	Thực tập cộng đồng	3			3	145	Thi	
	Tổng cộng	28	15	225	13	565		

Ghi chú:

- *Thực tập cộng đồng cả ngày từ 21/11/2016 đến 03/12/2017 do khoa Y tế công cộng phụ trách.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
29/08/2016-10/09/2016	Nội cơ sở và bệnh học 1		Truyền nhiễm	Phục hồi chức năng
12/09/2016-24/09/2016			Lao và bệnh phổi	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1
26/09/2016-8/10/2016	Truyền nhiễm	Phục hồi chức năng	Nội cơ sở và bệnh học 1	
10/10/2016-22/10/2016	<i>Nghỉ 2 tuần (thực tập cộng đồng)</i>			
24/10/2016-05/11/2016	Lao và bệnh phổi	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1	Nội cơ sở và bệnh học 1	
07/11/2016-19/11/2016	Phụ sản		Phục hồi chức năng	Truyền nhiễm
21/11/2016-03/12/2016			Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1	Lao và bệnh phổi
05/12/2016-17/12/2016	Phục hồi chức năng	Truyền nhiễm	Phụ sản	
19/12/2016-31/12/2016	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 1	Lao và bệnh phổi		

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),
26 ĐVHT/675 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Thuốc YHCT–Phương tễ 2	3	1	15	2	90	Thi	<i>Chia nhóm thực tập luân từ ngày 13/02/2017 đến 03/06/2017</i>
2.	Da liễu	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Nội cơ sở và bệnh học 2	4	2	30	2	90	Thi	
4.	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Thần kinh	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Tâm thần	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Các PP chữa bệnh không dùng thuốc	4	2	30	2	60	Thi	
8.	CĐ hình ảnh	3	2	30	1	30	Thi	
9.	PP NCKH	2	2	30			Thi	
10.	Y học gia đình	1	1	15			Thi	
Tổng cộng		26	15	225	11	450		

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
13/02/2017-25/02/2017	Thuốc YHCT–Phương tễ 2		Da liễu	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2
27/02/2017-11/03/2017			Thần kinh	Tâm thần
13/03/2017-25/03/2017	Da liễu	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	Thuốc YHCT–Phương tễ 2	
27/03/2017-08/04/2017	Thần kinh	Tâm thần		
10/04/2017-22/04/2017	Nội cơ sở và bệnh học 2		Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	Da liễu
24/04/2017-06/05/2017			Tâm thần	Thần kinh
08/05/2017-20/05/2017	Ngoại cơ sở và bệnh học, chấn thương 2	Da liễu	Nội cơ sở và bệnh học 2	
22/05/2017-03/06/2017	Tâm thần	Thần kinh		

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017, K27)****Tổng số sinh viên: 83, số lớp: 1****Học kỳ 7: 18 tuần (29/08/2016 – 31/12/2016, có 2 tuần ôn thi và thi), 28 ĐVHT/775 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Bệnh học Nội Nhi YHCT	6	3	45	3	135	Thi	
2.	Điều trị YHCT 1	5	2	30	3	135	Thi	
3.	Bệnh học Ngoại khoa YHCT	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Phụ sản YHCT	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Nhi khoa	4	2	30	2	90	Thi	
6.	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	5	5	75			Thi	
	Tổng cộng	25	16	240	12	535		

Ghi chú:

Chia 2 nhóm thực tập luân khoa, mỗi ĐVHT thực hành 2 tuần. Riêng Bệnh học Nội Nhi YHCT và Điều trị YHCT 1 thực tập 4 tuần (2 tuần buổi sáng và 2 tuần sáng chiều)

- *Thực tập Bệnh học Nội Nhi YHCT, Điều trị YHCT 1 tại bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Bệnh học ngoại khoa YHCT, Phụ sản YHCT tại Bệnh viện Đa khoa TPCT.*
- *Thực tập Nhi khoa tại bệnh viện Nhi đồng Cần Thơ.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
29/08/2016 - 10/09/2016	Bệnh học Nội Nhi YHCT	Điều trị YHCT 1
12/09/2016 - 24/09/2016		
26/09/2016 - 08/10/2016	Điều trị YHCT 1	Bệnh học Nội Nhi YHCT
10/10/2016 - 22/10/2016		
24/10/2016 - 05/11/2016	Nhi khoa	Bệnh học Ngoại khoa YHCT
07/11/2016 - 19/11/2016		Phụ sản YHCT
21/11/2016 - 03/12/2016	Bệnh học Ngoại khoa YHCT	Nhi khoa
05/12/2016 - 17/12/2016	Phụ sản YHCT	

Học kỳ 8: 19 tuần (02/01/2017 – 13/05/2017, có 1 tuần dự trữ, 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi),
29 ĐVHT/435 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Điều trị YHCT 2	5	2	30	3	135	Thi	
2.	Bệnh học Lão khoa YHCT	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Bệnh học Ngũ quan YHCT	5	3	45	2	90	Thi	
4.	Bệnh học Truyền nhiễm YHCT	2	1	15	1	45	Thi	
5.	TN khoa học Mác- Lênin TTHCM	4					Thi	
6.	TN khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	29	8	120	7	315		

*** Ghi chú:**

Chia 2 nhóm thực tập luân khoa.

- *Thực tập Bệnh học lão khoa YHCT, Điều trị YHCT 2, Bệnh học Truyền nhiễm YHCT tại bệnh viện Y học cổ truyền Cần Thơ.*
- *Thực tập Bệnh học Ngũ quan YHCT tại Bệnh viện Đa khoa TPCT.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
02/01/2017 – 21/01/2017	Điều trị YHCT 2	Bệnh học Ngũ quan YHCT
23/01/2017 – 04/02/2017	<i>Nghỉ Tết</i>	
06/02/2017 – 11/02/2017	Điều trị YHCT 2	Bệnh học Ngũ quan YHCT
13/02/2017 – 25/02/2017		Bệnh học Truyền nhiễm YHCT
27/02/2017 – 11/03/2017	Bệnh học Truyền nhiễm YHCT	Điều trị YHCT 2
13/03/2017 – 08/04/2017	Bệnh học Ngũ quan YHCT	
10/04/2017 – 15/04/2017	<i>Nghỉ, thi học kỳ II</i>	
17/04/2017 – 29/04/2017	Bệnh học Lão khoa YHCT	

THI TỐT NGHIỆP

- 1. Ôn thi tốt nghiệp:** từ 15/05/2017-24/06/2017.
- 2. Học phần tốt nghiệp:**
 - Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
 - Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT) gồm:
 - + Phần cơ sở ngành (2 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - + Phần chuyên môn 1 (5 ĐVHT): Bệnh học Nội – Nhi YHCT, Bệnh học Ngoại khoa YHCT, Bệnh học Sản phụ khoa YHCT.
 - + Phần chuyên môn 2 (3 ĐVHT): Lý luận cơ bản Y học Phương Đông, Điều trị YHCT.
- 3. Thời gian thi tốt nghiệp:**
 - Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng HCM: 10/06/2017.
 - Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017
 - * *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

11. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC HỆ TẬP TRUNG 4 NĂM NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: D⁴1, D⁴2, D⁴3, D⁴4
- Thứ tự lớp: A, B

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K30: 163303A, 163303B
- Năm thứ hai-K29: 153303A, 153303B
- Năm thứ ba-K28: 143303A, 143303B
- Năm thứ tư-K27: 133303A, 133303B

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

4. Hình thức thi tốt nghiệp

- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.
- Thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác Lênin-Tư tưởng Hồ Chí Minh.

NĂM THỨ NHẤT

(Khóa 2016–2020 - K30)

Tổng số sinh viên dự kiến: 200, số lớp: 2

Học kỳ 1: 19 tuần (12/09/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 27 ĐVHT/465 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	NNLCBCNMLN-1 ^(*)	3	3	45			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	5	5	75			Thi	Anh văn
3.	Toán cao cấp	4	4	60			Thi	
4.	Tin học	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Hóa đại cương vô cơ 1	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Hóa học hữu cơ 1	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh học đại cương	5	4	60	1	30	Thi	
	Tổng cộng	27	23	345	4	120		

Học kỳ 2: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

27 ĐVHT/450 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	NNLCBCNMLN-2 ^(*)	5	5	75			Thi	
2.	Ngoại ngữ 2	5	5	75			Thi	Anh văn
3.	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
4.	Vật lý đại cương	6	5	75	1	30	Thi	
5.	Hóa đại cương vô cơ 2	4	3	45	1	30	Thi	
6.	Hóa hữu cơ 2	4	3	45	1	30	Thi	
	Tổng cộng	27	24	360	3	90		

Ghi chú:

- (*): Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-LêNin.

- Học phần Ngoại ngữ chỉ tổ chức giảng dạy môn Anh văn. Các ngoại ngữ khác chỉ mở lớp khi có khoảng 15 sinh viên, nhà trường sẽ hướng dẫn giải quyết từng trường hợp cụ thể. Nhà trường sẽ tổ chức đánh giá Anh văn đầu vào, sinh viên có thể sử dụng kết quả thi đầu vào để xin miễn học Ngoại ngữ.

NĂM THỨ HAI

(Khóa 2015–2019 - K29)

Tổng số sinh viên: 125, số lớp 2

Học kỳ 3: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 27 ĐVHT/495 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Thực vật dược	4	3	45	1	30	Thi	
2.	Giải phẫu sinh lý	5	4	60	1	30	Thi	
3.	Hóa phân tích 1	2	1	15	1	30	Thi	
4.	Hóa lý dược	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Tư tưởng HCM	3	3	45			Thi	
6.	Dược dịch tễ	2	2	30			Thi	
7.	Ngoại ngữ chuyên ngành	5	5	75			Thi	Anh văn
8.	Bào chế và sinh dược học 1	1			1	30	Thi	
9.	Dược liệu 1	1			1	30	Thi	
	Tổng cộng	27	21	315	6	180		

Học kỳ 4: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

28 ĐVHT/540 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Hóa phân tích 2	5	3	45	2	60	Thi	
2.	Hóa sinh 1	4	3	45	1	30	Thi	
3.	Hóa dược 1	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Dược liệu 2	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Vi sinh	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Dược xã hội học	3	3	45			Thi	
7.	Ký sinh trùng	3	2	30	1	30	Thi	
8.	Môi trường	2	2	30			Thi	
9.	Vi tính chuyên ngành dược	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	28	20	300	8	240		

NĂM THỨ BA

(Khóa 2014–2018 - K28)

Tổng số sinh viên: 191, số lớp 2

Học kỳ 5: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 27 ĐVHT/480 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Hóa sinh 2	3	3	45			Thi	
2.	Hóa dược 2	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Dược liệu 3	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Bào chế và sinh dược học 2	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Độc chất học	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Pháp chế dược 1	2	2	30			Thi	
7.	Y dược học cổ truyền	4	4	60			Thi	
8.	Dược lý 1	3	3	45			Thi	
9.	Dược lâm sàng 1	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	27	22	330	5	150		

Học kỳ 6: 22 tuần (06/02/2017 – 08/07/2017, có 1 tuần dự trữ, 3 tuần ôn thi và thi),

27 ĐVHT/525 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Hóa dược 3	3	1	15	2	60	Thi	
2.	Dược lý 2	4	3	45	1	30	Thi	
3.	Công nghệ sản xuất dược phẩm 1	4	2	30	2	60	Thi	
4.	Bào chế & Sinh dược học 3	4	3	45	1	30	Thi	
5.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
6.	Sinh lý bệnh và miễn dịch	3	3	45			Thi	
7.	Dược lâm sàng 2	3	2	30	1	30	Thi	
8.	TT.Y dược học cổ truyền	1			1	30	Thi	
	Tổng cộng	27	19	285	8	240		

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017 - K27)****Tổng số sinh viên: 236, số lớp 2****Học kỳ 7: 21 tuần (29/08/2016 – 21/01/2017, có 3 tuần ôn thi và thi), 24 ĐVHT/525 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐV HT	Số tiết		
1.	Pháp chế dược 2	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Dược liệu 4	3	1	15	2	60	Thi	
3.	Công nghệ sản xuất dược phẩm 2	3	1	15	2	60	Thi	
4.	Bệnh học	5	4	60	1	45	Thi	
5.	Kiểm nghiệm dược phẩm 1	4	2	30	2	60	Thi	
6.	Dược lâm sàng 3	4	2	30	2	60	Thi	
7.	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	24	14	210	10	315		

Ghi chú:

- Thực hành Bệnh học (Bộ môn Nội khoa Y phụ trách) tại Bệnh viện Đa khoa trung ương Cần Thơ vào buổi sáng từ ngày 14/11/2016 đến 26/11/2016.

Học kỳ 8: 14 tuần (06/02/2017 – 13/05/2017, có 2 tuần nghỉ Tết, 1 tuần ôn thi và thi),

11 ĐVHT/255 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Kiểm nghiệm dược phẩm 2	4	3	45	1	30	Thi	
2.	Kinh tế dược	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Thực tế	4			4	120	Báo cáo	
4.	TN KH Mác Lênin- Tư tưởng HCM	4					Thi	
5.	TN khối kiến thức GD chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	11/ 14 TN	5	75	6	180		

Ghi chú:

- Đi thực tế cả ngày từ ngày 17/04/2017 đến 13/05/2017 tại các công ty, xí nghiệp sản xuất thuốc – khoa Dược và Hiệu thuốc Bệnh viện của các tỉnh theo nơi cư trú của sinh viên. Trường hợp tỉnh không có xí nghiệp sản xuất thuốc, sinh viên có thể đăng ký đi thực tế ở tỉnh lân cận hoặc tại Cần Thơ.

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 15/05/2017-24/06/2017.

2. Học phần thi tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp môn Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh (4 ĐVHT, môn điều kiện).
- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
 - + Phần cơ sở ngành (3 ĐVHT): Hóa lý, Dược lý
 - + Phần chuyên môn 1 (3 ĐVHT): Dược liệu, Quản lý dược, Công nghiệp dược
 - + Phần chuyên môn 2 (4 ĐVHT): Hoá dược, Dược lâm sàng, Bảo chế, Kiểm nghiệm.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Khoa học Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10/06/2017.
- Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
- * *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

III. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

12. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: ĐD⁴1, ĐD⁴2, ĐD⁴3, ĐD⁴4
- Thứ tự lớp: A, B, C, D, T

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất – K30: 163305A, 163305B
- Năm thứ hai – K29: 153305A, 153305B, 153305C (CM), 153305D (AG)
- Năm thứ ba – K28 : 143305A, 143305B
- Năm thứ tư – K27 : 133305A, 133305T

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

4. Hình thức thi tốt nghiệp

- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020 - K30)****Tổng số sinh viên dự kiến: 150, số lớp: 2****Học kỳ 1: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/285 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý Y học – Y đức	2	2	30			Thi	
3.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
4.	Hóa học đại cương	2	2	30			Thi	
5.	Toán cao cấp	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý đại cương-Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh học đại cương	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	15	225	2	60		

Học kỳ 2: 10 tuần (13/02/2017 - 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 16 ĐVHT/270 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	5	5	75			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	2	2	30			Thi	
3.	Hóa vô cơ và Hóa hữu cơ	2	2	30			Thi	
4.	Tin học	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Di truyền	2	2	30			Thi	
6.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	16	14	210	2	60		

Ghi chú: Học phần Ngoại ngữ chỉ tổ chức giảng dạy môn Anh văn.

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2015–2019, K29)****Tổng số sinh viên: 153, số lớp: 2****Học kỳ 3: 10 tuần (07/11/2016 - 14/01/2017, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/300 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
2.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
3.	DD-VSATTP	2	2	30			Thi	
4.	Giáo dục sức khoẻ	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Dân số KHHGD	2	2	30			Thi	
6.	TCYT-CTYTQG	1	1	15			Thi	
7.	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
8.	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	17	14	210	3	90		

Học kỳ 4: 10 tuần (24/04/2017 - 01/07/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 17 ĐVHT/330 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Vi sinh	2	2	30			Thi	
2.	Ký sinh	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Điều dưỡng cơ bản 1	4	2	30	2	60	Thi	
6.	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
	Tổng cộng	17	12	180	5	150		

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2018, K28)****Tổng số sinh viên: 199, số lớp: 4*****Học kỳ 5: 10 tuần (07/11/2016 - 14/01/2017, có 02 tuần ôn và thi), 14 ĐVHT/390 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Dược lý	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Điều Dưỡng cơ bản 2	4	2	30	2	60	Thi	
3.	Điều Dưỡng ngoại 1	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Điều dưỡng nội 1	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Điều Dưỡng tâm thần	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Phục hồi chức năng	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	14	8	150	6	240		

Ghi chú:

Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa tại Bệnh viện ĐK TPCT, Bệnh viện Trường: Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng tâm thần, phục hồi chức năng. Mỗi lâm sàng 2 tuần.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
07/11/2016 đến 19/11/2016	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng Tâm thần	Phục hồi chức năng
21/11/2016 đến 03/12/2016	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng Tâm thần
05/12/2016 đến 17/12/2016	Điều Dưỡng Tâm thần	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1
19/12/2016 đến 31/12/2016	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng Tâm thần	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1

Học kỳ 6: 10 tuần (24/04/2017 - 01/07/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 17 ĐVHT/405 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	45			Thi	
2.	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
3.	Dịch tễ học	2	2	30			Thi	
4.	Quản lý điều dưỡng	3	2	30	1	45	Thi	
5.	Điều dưỡng truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
6.	Điều Dưỡng chuyên khoa hệ nội	2	1	15	1	45	Thi	
7.	Điều Dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	3	1	15	2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	12	180	5	225		

Ghi chú:

Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập bệnh viện luân khoa: Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội (2 tuần tại BV Lao, Da Liễu, BV ĐK TPCT), Điều dưỡng truyền nhiễm (2 tuần tại BV TPCT), Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại (4 tuần tại Khoa Mắt, Khoa RHM BV ĐK TPCT, BV Tai Mũi Họng).

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
24/04/2017 đến 06/05/2017	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	Điều dưỡng Truyền nhiễm	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại
08/05/2017 đến 20/05/2017	Điều dưỡng Truyền nhiễm	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại
22/05/2017 đến 03/06/2017	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội	Điều dưỡng Truyền nhiễm
05/06/2017 đến 17/06/2017	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng chuyên khoa hệ ngoại	Điều dưỡng Truyền nhiễm	Điều dưỡng chuyên khoa hệ Nội

* Ghi chú: 2 lớp ở Cần Thơ (139 SV), 1 lớp ở An Giang (46 SV) và 1 lớp ở Cà Mau (14 SV)

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2012 –2016 - K27)****Tổng số sinh viên: 191, số lớp: 2****Học kỳ 7: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 2 tuần ôn thi và thi), 16 ĐVHT/360 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Đường lối CM của Đảng CSVN	5	5	75			Thi	
2.	Điều Dưỡng ngoại 2	3	2	30	1	45	Thi	
3.	Điều dưỡng nội 2	3	2	30	1	45	Thi	
4.	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Điều Dưỡng phụ sản	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	16	13	180	4	180		

Ghi chú:

Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng Nội 2, Điều dưỡng Ngoại 2 tại BV ĐK TPCT, BV Trường; Điều dưỡng phụ sản tại BV phụ sản Cần Thơ; Điều dưỡng Hồi sức cấp cứu tại BV ĐK. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 2 tuần.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
12/09/2016 đến 24/09/2016	Điều Dưỡng ngoại 2	Điều dưỡng nội 2	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Điều Dưỡng phụ sản
26/09/2016 đến 8/10/2016	Điều Dưỡng phụ sản	Điều Dưỡng ngoại 2	Điều dưỡng nội 2	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu
10/10/2016 đến 22/10/2016	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Điều Dưỡng phụ sản	Điều Dưỡng ngoại 2	Điều dưỡng nội 2
24/10/2016 đến 05/11/2016	Điều dưỡng nội 2	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Điều Dưỡng phụ sản	Điều Dưỡng ngoại 2

Học kỳ 8: 12 tuần (13/02/2017 - 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), **12 ĐVHT/360 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Điều Dưỡng nhi	3	2	30	1	45	Thi	
2.	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	2	1	15	1	45	Thi	
3.	Điều dưỡng Nội 3	2	1	15	1	45	Thi	
4.	Điều dưỡng Ngoại 3	2	1	15	1	45	Thi	
5.	Điều dưỡng cộng đồng	3	1	15	2	90	Thi	
6.	Thực tế TN	4			4	180	Báo cáo	
7.	TN khối kiến thức GD chuyên nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	16/ 10 TN	6	90	4	270		

Ghi chú:

- Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng Nội 3, Điều dưỡng Ngoại 3 tại BV ĐK TPCT, BV Trường; TU Điều dưỡng Nhi tại BV Nhi Đồng, Điều dưỡng phòng phẫu thuật tại BV ĐK TU. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 2 tuần.

- Thực tập điều dưỡng cộng đồng kết hợp Thực tế tốt nghiệp đi cả sáng chiều từ 24/04/2017 đến 06/05/2017.

LỊCH THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
13/02/2017 đến 25/02/2017	Điều dưỡng nhi	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Điều dưỡng Nội 3	Điều dưỡng Ngoại 3
27/02/2017 đến 11/03/2017	Điều dưỡng Ngoại 3	Điều dưỡng nhi	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Điều dưỡng Nội 3
13/03/2017 đến 25/03/2017	Điều dưỡng Nội 3	Điều dưỡng Ngoại 3	Điều dưỡng nhi	Điều dưỡng phòng phẫu thuật
27/03/2017 đến 08/04/2017	Điều dưỡng phòng phẫu thuật	Điều dưỡng Nội 3	Điều dưỡng Ngoại 3	Điều dưỡng nhi

* Ghi chú: 1 lớp ở Cần Thơ (156 SV) và 1 lớp ở Bình Thuận (35 SV).

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 08/05/2017-24/06/2017.

2. Học phần thi tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
 - + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - + Phần chuyên môn (6 ĐVHT): Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng Phụ sản, Điều dưỡng Nhi.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
 - * *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LÌNH

13. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG GÂY MÊ HỒI SỨC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: GM⁴1

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất – K30: 163305G

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020 - K30)****Tổng số sinh viên dự kiến: 20, số lớp: 1****Học kỳ 1: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/285 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý Y học – Y đức	2	2	30			Thi	
3.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
4.	Hóa học đại cương	2	2	30			Thi	
5.	Toán cao cấp	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý đại cương-Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh học đại cương	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	15	225	2	60		

Học kỳ 2: 10 tuần (13/02/2017 - 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 16 ĐVHT/270 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	5	5	75			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	2	2	30			Thi	
3.	Hóa vô cơ và Hóa hữu cơ	2	2	30			Thi	
4.	Tin học	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Di truyền	2	2	30			Thi	
6.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	16	14	210	2	60		

HIỆU TRƯỞNG**GS.TS. PHẠM VĂN LÌNH**

14. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG PHỤ SẢN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: PS⁴1, PS⁴2, PS⁴3, PS⁴4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất - K30: 163305P
- Năm thứ hai - K29: 153305P, 153305P1 (AG), 153305P2 (CM)
- Năm thứ ba - K28: 143305P
- Năm thứ tư - K27: 133305P

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020, K30)****Tổng số sinh viên dự kiến: 50, số lớp: 1****Học kỳ 1: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/285 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý Y học – Y đức	2	2	30			Thi	
3.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
4.	Hóa học đại cương	2	2	30			Thi	
5.	Toán cao cấp	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý đại cương-Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh học đại cương	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	14	225	2	60		

Học kỳ 2: 10 tuần (13/02/2017 - 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 16 ĐVHT/270 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	5	5	75			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	2	2	30			Thi	
3.	Hóa vô cơ và Hóa hữu cơ	2	2	30			Thi	
4.	Tin học	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Di truyền	2	2	30			Thi	
6.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	16	14	210	2	60		

Ghi chú: Học phần Ngoại ngữ chỉ tổ chức giảng dạy môn Anh văn.

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2015–2019 - K29)****Tổng số sinh viên: 68, số lớp: 1****Học kỳ 3: 10 tuần (07/11/2016 - 14/01/2017, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/300 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
2.	DD - VSATTP	2	2	30			Thi	
3.	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
4.	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Giáo dục sức khỏe	2	1	15	1	30	Thi	
7.	Dân số - KHHGD - SKSS 1	2	2	30			Thi	
8.	TCYT - CTYTQG	1	1	15			Thi	
	Tổng cộng	17	14	210	3	90		

Học kỳ 4: 10 tuần (24/04/2017 - 01/07/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 16 ĐVHT/300 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
2.	Vi sinh	2	2	30			Thi	
3.	Hóa sinh	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Sinh lý bệnh – miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
6.	Điều dưỡng cơ bản 1	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	16	12	180	4	120		

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2018 - K28)****Tổng số sinh viên: 124, số lớp: 3*****Học kỳ 5: 10 tuần (07/11/2016 - 14/01/2017, có 02 tuần ôn và thi), 16 ĐVHT/420 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Điều Dưỡng cơ bản 2	3	2	30	1	30	Thi	
2	DS – KHHGD - SKSS 2	2	1	15	1	45	Thi	
3	Dược lý	3	2	30	1	30	Thi	
4	Điều Dưỡng ngoại 1	2	1	15	1	45	Thi	
5	Điều dưỡng nội 1	2	1	15	1	45	Thi	
6	Điều Dưỡng truyền nhiễm	2	1	15	1	45	Thi	
7	Phục hồi chức năng	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	16	9	135	7	285		

Ghi chú: Cả lớp đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng truyền nhiễm, phục hồi chức năng tại BV ĐK TPCT và BV Trường. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 2 tuần.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	07/11/2016 đến 19/11/2016	21/11/2016 đến 03/12/2016	05/12/2016 đến 17/12/2016	19/12/2016 đến 31/12/2016
	2 tuần	2 tuần	2 tuần	2 tuần
Nhóm 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng truyền nhiễm	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1
Nhóm 2	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng truyền nhiễm	Phục hồi chức năng
Nhóm 3	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1	Điều Dưỡng truyền nhiễm
Nhóm 4	Điều Dưỡng truyền nhiễm	Phục hồi chức năng	Điều dưỡng nội 1	Điều Dưỡng ngoại 1

Học kỳ 6: 10 tuần (24/04/2017 - 01/07/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), **17 ĐVHT/395 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	3	45			Thi	
2	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
3	Quản lý điều dưỡng	3	2	30	1	45	Thi	
4	Dịch tễ học	2	2	30			Thi	
5	Chăm sóc bà mẹ trước đẻ	4	2	30	2	90	Thi	<i>Chia 2 nhóm thực tập luân khoa</i>
6	Điều Dưỡng nhi	3	1	15	2	90	Thi	
	Tổng cộng	17	12	170	5	225		

Ghi chú: Cả lớp chia thành 2 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Điều dưỡng chăm sóc bà mẹ trước đẻ tại 3 BV: BV ĐK TPCT, BV Trường ĐHYD Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ; Điều dưỡng Nhi tại BV Nhi Đồng. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 4 tuần.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2
24/04/2017 – 20/05/2017	Chăm sóc bà mẹ trước đẻ	Điều Dưỡng nhi
22/05/2017 – 17/06/2017	Điều Dưỡng nhi	Chăm sóc bà mẹ trước đẻ

* Ghi chú: 1 lớp ở Cần Thơ (87 SV), 1 lớp ở An Giang (4 SV) và 1 lớp ở Cà Mau (33 SV)

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017, K27)****Tổng số sinh viên: 101, số lớp: 1****Học kỳ 7: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 16 ĐVHT/420 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT T	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ	4	2	30	2	90	Thi	
2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh	4	2	30	2	90	Thi	
3	Truyền thông tư vấn KHHGD	3	1	15	2	90	Thi	
4	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
	Tổng cộng	16	10	150	6	270		

Ghi chú:

- Cả lớp chia thành 2 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: chăm sóc bà mẹ trong đẻ, chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh từ ngày 12/09/2016 đến 05/11/2016 tại 3 BV: BV ĐK TPCT, BV Trường ĐHYD Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ. Mỗi chuyên khoa lâm sàng 4 tuần.

- Môn học truyền thông tư vấn KHHGD thực tập tại trung tâm sức khỏe sinh sản vào 2 buổi chiều trong tuần (do Bộ môn xếp lịch học và phân nhóm). Các buổi chiều còn lại sinh viên học lý thuyết.

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Thời gian	12/09/2016 đến 08/10/2016	10/10/2016 đến 05/11/2016
	4 tuần	4 tuần
Nhóm 1	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh
Nhóm 2	Chăm sóc bà mẹ sau đẻ và trẻ sơ sinh	Chăm sóc bà mẹ trong đẻ

Học kỳ 8: 12 tuần (13/02/2017 – 06/05/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), **13 ĐVHT/365 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	2	1	15	1	45	Thi	
2	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	6	3	45	3	135	Thi	
3	Điều dưỡng cộng đồng	3	1	15	2	90	Thi	
4	Điều dưỡng Ngoại 2	2	2	30			Thi	
5	Thực tế tốt nghiệp	4			4	180	Thi	
6	Thi tốt nghiệp	10					Thi	
	Tổng cộng	17/10	10	140	10	440		

Ghi chú:

- *Cả lớp chia thành 4 nhóm đi thực tập luân khoa tại bệnh viện: Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén 3 BV: BV ĐK TPCT, BV Trường ĐHYD Cần Thơ và BV Phụ sản Cần Thơ; Điều dưỡng hồi sức cấp cứu tại BV ĐK TPCT.*
- *Thực tập Điều dưỡng cộng đồng kết hợp thực tế tốt nghiệp đi cả sáng chiều vào cuối học kỳ từ 24/04/2017 đến 06/05/2017.*

LỊCH THỰC TẬP LÂM SÀNG

Nhóm	1	2	3	4
13/02/2017 đến 25/02/2017	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén
27/02/2017 đến 11/03/2017	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén
13/03/2017 đến 25/03/2017	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén
27/03/2017 đến 08/04/2017	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Chăm sóc bà mẹ ngoài thời kỳ thai nghén	Điều dưỡng hồi sức cấp cứu

THI TỐT NGHIỆP

- 1. Ôn thi tốt nghiệp:** từ 08/05/2017-24/06/2017.
- 2. Học phần thi tốt nghiệp:**
 - Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
 - + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - + Phần chuyên môn (6 ĐVHT): Điều dưỡng Nội, Điều dưỡng Ngoại, Điều dưỡng Phụ sản, Điều dưỡng Nhi.
- 3. Thời gian thi tốt nghiệp:**
 - Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
 - * *Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

**15. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN
KỸ THUẬT Y HỌC CHUYÊN NGÀNH XÉT NGHIỆM
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NĂM HỌC 2016–2017**

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: XN⁴1, XN⁴2, XN⁴3, XN⁴4

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất-K30 : 163307X
- Năm thứ hai-K29 : 153307X
- Năm thứ ba-K28 : 143307X
- Năm thứ tư-K27 : 133307X

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020, K30)****Tổng số sinh viên dự kiến: 60, số lớp: 01****Học kỳ 1: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/270 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý Y học – Y đức	2	2	30			Thi	
3.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
4.	Hóa học đại cương	2	2	30			Thi	
5.	Toán cao cấp	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý đại cương-Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh học đại cương	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	14	210	2	60		

Học kỳ 2: 10 tuần (13/02/2017 - 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 18 ĐVHT/315 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	5	5	75			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	2	2	30			Thi	
3.	Hóa vô cơ và Hóa hữu cơ	2	2	30			Thi	
4.	Tin học	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Di truyền	2	2	30			Thi	
6.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Hóa phân tích	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	18	15	225	3	90		

Ghi chú: Học phần Ngoại ngữ chỉ tổ chức giảng dạy môn Anh văn.

NĂM THỨ HAI**(Khóa 2015–2019, K29)****Tổng số sinh viên: 68, số lớp: 1****Học kỳ 3: 10 tuần (07/11/2016 - 14/01/2017, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/330 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Sức khỏe môi trường	2	2	30			Thi	
2	Ngoại ngữ 2	3	3	45			Thi	
3	Mô phôi	2	1	15	1	30	Thi	
4	Sinh lý	3	2	30	1	30	Thi	
5	KT Xét nghiệm cơ bản	5	2	30	3	90	Thi	
6	DD - VSAT thực phẩm	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	17	12	180	5	150		

Học kỳ 4: 10 tuần (24/04/2017 - 01/07/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 16 ĐVHT/270 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Ký sinh trùng 1	1	1	15			Thi	
2	Vi sinh 1	2	2	30			Thi	
3	Hóa sinh 1	3	2	30	1	30	Thi	
4	Sinh lý bệnh – Miễn dịch	3	2	30	1	30	Thi	
5	TCYT - CT YTQG - GDNCCK	1	1	15			Thi	
6	Huyết học cơ bản	1	1	15			Thi	
7	Xác suất thống kê	3	3	45			Thi	
8	DS-KHHGD	2	2	30			Thi	
	Tổng cộng	16	14	210	2	60		

NĂM THỨ BA**(Khóa 2014–2018, K28)****Tổng số sinh viên: 48, số lớp: 1****Học kỳ 5: 10 tuần (07/11/2016 - 14/01/2017, có 02 tuần ôn và thi), 18 ĐVHT/375 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Ký sinh trùng 2	1	1	15			Thi	
2	Vi sinh 2	1	1	15			Thi	
3	Huyết học tế bào	2	1	15	1	30	Thi	
4	Bảo đảm và KTCLXN	3	2	30	1	30	Thi	
5	Hóa sinh 2	3	2	30	1	30	Thi	
6	Dược lý	3	2	30	1	30	Thi	
7	Giải phẫu bệnh 1	2	1	15	1	30	Thi	
8	Nội cơ sở	3	2	30	1	45	Thi	
	Tổng cộng	18	12	180	6	195		

Ghi chú:*Cả lớp thực tập Nội cơ sở vào buổi sáng từ 19/12/2016 đến 31/12/2016.***Học kỳ 6: 10 tuần (24/04/2017 - 01/07/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 19 ĐVHT/375 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1	Hóa sinh 3	3	2	30	1	30	Thi	
2	Đông máu	3	2	30	1	30	Thi	
3	Vi sinh 3	2	1	15	1	30	Thi	
4	Ký sinh trùng 3	2	1	15	1	30	Thi	
5	Phương pháp NCKH	2	2	30			Thi	
6	Tư tưởng HCM	3	3	45			Thi	
7	Dịch tễ học	2	2	30			Thi	
8	Ngoại cơ sở	2	1	15	1	45	Thi	
	Tổng cộng	19	14	210	5	165		

Ghi chú:*- Cả lớp thực tập Ngoại cơ sở vào buổi sáng từ 05/06/2017 đến 17/06/2017.*

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017, K27)****Tổng số sinh viên: 52, số lớp: 1****Học kỳ 7: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 19 ĐVHT/360 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Truyền máu	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Vi sinh 4	3	2	30	1	30	Thi	
3.	Hóa sinh 4	3	2	30	1	30	Thi	
4.	Ký sinh trùng 4	3	2	30	1	30	Thi	
5.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
6.	Giải phẫu bệnh 2	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	19	14	210	5	150		

Học kỳ 8: 12 tuần (13/02/2017 – 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 19 ĐVHT/330 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Tự chọn (<i>Hóa sinh 5, Huyết học 5, Vi sinh 5, Ký sinh trùng 5 và Giải phẫu bệnh 3</i>)	5	2	30	3	90	Thi	
2.	TH Xét nghiệm BV Huyết học - Hóa sinh	3			3	135	Thi	
3.	TH Xét nghiệm BV Vi sinh – Ký sinh	3			3	135	Thi	
4.	Thi tốt nghiệp	10	10				Thi	
	Tổng cộng	19	16	240	3	90		

Ghi chú:

Cả lớp chia 2 nhóm thực tập vào sáng chiều tại bệnh viện ĐKTU Cần Thơ và bệnh viện ĐK TP. Cần Thơ.

LỊCH THỰC TẬP BỆNH VIỆN

Thời gian	27/02/2017 – 17/03/2017	20/03/2017 – 07/04/2017
Nhóm 1	TH XN BV Huyết học - Hóa sinh	TH XN BV Vi sinh – Ký sinh
Nhóm 2	TH XN BV Vi sinh – Ký sinh	TH XN BV Huyết học - Hóa sinh

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 24/04/2017-24/06/2017.

2. Học phần thi tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
 - + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - + Phần chuyên môn (6 ĐVHT): Vi sinh, Ký sinh, Huyết học, Hoá sinh, Giải phẫu bệnh.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
** Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LÌNH

16. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN KỸ THUẬT Y HỌC
CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT HÌNH ẢNH
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC
NĂM HỌC 2016–2017

1. Tên gọi các lớp

- Ngành-năm: HA⁴¹, HA⁴⁴

2. Ký hiệu mã hóa các lớp học

- Năm thứ nhất – K30: 163307K
- Năm thứ tư – K27: 133307K

3. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

NĂM THỨ NHẤT**(Khóa 2016–2020, K30)****Tổng số sinh viên dự kiến: 20, số lớp: 01****Học kỳ 1: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 17 ĐVHT/270 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 1	3	3	45			Thi	
2.	Tâm lý Y học – Y đức	2	2	30			Thi	
3.	Y học quân sự	2	2	30			Thi	
4.	Hóa học đại cương	2	2	30			Thi	
5.	Toán cao cấp	2	2	30			Thi	
6.	Vật lý đại cương-Lý sinh	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Sinh học đại cương	3	2	30	1	30	Thi	
	Tổng cộng	17	14	210	2	60		

Học kỳ 2: 10 tuần (13/02/2017 - 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 18 ĐVHT/315 tiết

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Những nguyên lý cơ bản của CNMLN 2	5	5	75			Thi	
2.	Ngoại ngữ 1	2	2	30			Thi	<i>Anh văn</i>
3.	Hóa vô cơ và Hóa hữu cơ	2	2	30			Thi	
4.	Tin học	2	1	15	1	30	Thi	
5.	Di truyền	2	2	30			Thi	
6.	Giải phẫu	3	2	30	1	30	Thi	
7.	Hóa phân tích	2	1	15	1	30	Thi	
	Tổng cộng	18	15	225	3	90		

NĂM THỨ TƯ**(Khóa 2013–2017, K27)****Tổng số sinh viên: 10, số lớp: 1****Học kỳ 7: 10 tuần (12/09/2016 - 19/11/2016, có 02 tuần ôn và thi), 19 ĐVHT/450 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Bệnh học ngoại	3	1	15	2	90	Thi	
2.	Bảo trì máy	2	1	15	1	30	Thi	
3.	Y học hạt nhân và xạ trị	5	3	45	2	90	Thi	
4.	Kỹ thuật chụp cắt lớp điện toán-cộng hưởng từ hạt nhân 2	3	1	15	2	60	Thi	
5.	Tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh	1	1	15			Thi	
6.	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	5	5	75			Thi	
	Tổng cộng	19	12	180	7	270		

*** Ghi chú:***- Thực tập Bệnh học ngoại buổi sáng từ 12/09/2016 đến 8/10/2016.**- Thực tập Y học hạt nhân và xạ trị buổi sáng từ 10/10/2016 đến 05/11/2016.***Học kỳ 8: 10 tuần (13/02/2017 - 22/04/2017, có 2 tuần ôn thi và thi), 13 ĐVHT/360 tiết**

T T	Tên học phần	Tổng số ĐVHT	Phân bố				Đánh giá	Ghi chú
			Lý thuyết		Thực hành			
			ĐVHT	Số tiết	ĐVHT	Số tiết		
1.	Kỹ thuật siêu âm	3	2	30	1	30	Thi	
2.	Chẩn đoán hình ảnh Y học	4	2	30	2	60	Thi	
3.	An toàn bức xạ	1	1	15			Thi	
4.	Can thiệp mạch máu	1	1	15			Thi	
5.	Thực tập lâm sàng	4			4	180	Thi	
6.	Thi tốt nghiệp	10	10				Thi	
	Tổng cộng	13/10	6/10	90	7	270		

*** Ghi chú:***- Thực tập lâm sàng tại bệnh viện ĐK TU và BV Trường vào buổi sáng từ 13/02/2017 đến 8/04/2017.*

THI TỐT NGHIỆP

1. Ôn thi tốt nghiệp: từ 24/04/2017-24/06/2017.

2. Học phần thi tốt nghiệp:

- Thi tốt nghiệp khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (10 ĐVHT):
 - + Phần cơ sở ngành (4 ĐVHT): Giải phẫu, Sinh lý.
 - + Phần chuyên môn (6 ĐVHT): Vật lý tia X, Kỹ thuật chụp X quang thông thường, Kỹ thuật chụp X quang đặc biệt, Kỹ thuật chụp cắt lớp điện toán, Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ.

3. Thời gian thi tốt nghiệp:

- Tốt nghiệp chuyên ngành: 26/06/2017 – 01/07/2017.
** Thi tốt nghiệp lần 2: 18/09/2017 – 23/09/2017.*

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. PHẠM VĂN LĨNH

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC

1. Chương trình và Tổ chức giảng dạy

- Tổ chức 2 đợt học trong 1 học kỳ, mỗi đợt 10 tuần (8 tuần học, 2 tuần thi)
 - + Đợt 1 (10 tuần đầu): năm nhất và năm thứ tư.
 - + Đợt 2 (10 tuần sau): năm thứ hai và năm thứ ba.
- Tổ chức học chung các ngành Cử nhân hệ Vừa làm vừa học trong năm nhất và học kỳ 1 năm hai.
- Các ngành không còn đào tạo từ năm học 2016 - 2017: Điều dưỡng Răng Hàm Mặt, Y tế công cộng.

2. Kiểm tra và thi học phần

- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy chế 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/06/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Thực hiện Chương III-Kiểm tra và thi học phần theo Quy định Đào tạo Đại học số 339/QĐ-ĐHYDCT ngày 18/05/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.
- Thực hiện Quy định Đánh giá học phần đào tạo đại học số 435/QĐ-ĐHYDCT ngày 30/09/2008 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

3. Đào tạo ở các tỉnh

- Ngành Điều dưỡng Đa khoa có 1 lớp năm thứ tư ở tỉnh Bình Thuận, 2 lớp năm thứ ba tại An Giang và Cà Mau. Ngành Điều dưỡng phụ sản có 2 lớp năm thứ ba tại An Giang và Cà Mau.
- Chương trình học giống với đào tạo tại Trường, kế hoạch học do Khoa Điều dưỡng và KTYH sắp xếp và công bố vào đầu mỗi học kỳ.